

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §194

B.

KHÁCH THỂ

- Trong kết quả chuyển hóa của suy luận thành khách thể trực tiếp, các sự khác biệt của các mômen của Khái niệm đều đã được phủ định, hay, chính xác hơn, đều *đã được vượt bỏ* (*aufgehoben*) đúng theo nghĩa của Hegel về từ này (phủ định – bảo lưu – nâng cao). Việc thái hoài sự trung giới không có nghĩa rằng sự khác biệt nói chung đã tiêu biến một cách trừu tượng trong khách thể, mà chỉ có nghĩa: khách thể đã trở nên “dửng dưng” với sự khác biệt từ khi mỗi mômen dị biệt hóa cũng là (cái) toàn thể của khách thể.
- Do sự *dửng dưng* (*Gleichgültigkeit / indifférence*) đối với sự khác biệt (*Unterschied / différence*) vốn đã bị thái hoài trong khách thể, khách thể là *tồn tại trực tiếp*, tất nhiên không phải là cái tồn tại trực tiếp của lúc bắt đầu của Lôgíc học mà là tồn tại trực tiếp như là *kết quả* của việc hoàn tất, và, do đó, là sự phai tàn của sự trung giới của phán đoán và suy luận. Chính vì sự trực tiếp của khách thể chứa đựng tất cả sự phong phú của Khái niệm mà khách thể là (cái) *toàn thể* ngay trong khi là tồn tại trực tiếp. Vậy, nó là tồn tại trực tiếp của Khái niệm toàn diện.
- Từ khi khách thể là một toàn thể dửng dưng với sự khác biệt của các mômen của nó, thì, với tư cách là một sự thống nhất trực tiếp của cái toàn thể của Khái niệm đã được thực hiện (§193), khách thể là *sự đồng nhất* của các mômen của Khái niệm, nghĩa là, các mômen ấy đều đã được “ý thể hóa” (= vượt bỏ) trong khách thể trực tiếp. Tuy nhiên, vì lẽ sự thống nhất phủ định hay đúng hơn là sự phủ định tuyệt đối (= phủ định của phủ định) hay tồn tại-cho-mình của Khái niệm lại bị vượt bỏ trong tính khẳng định trực tiếp của khách thể, nên sự đồng nhất chỉ mới là sự đồng nhất *tồn tại-tự-mình* của các mômen, nghĩa là, một sự đồng nhất còn thuần túy ở bên trong và mặc nhiên, chưa thực sự *thấu hiểu* sự biến đổi của các sự khác biệt ở bên trong mình và để cho các sự khác biệt này tự thiết định tùy theo sự khác nhau trực tiếp của chúng (§§91, 117). Vậy, sự đồng nhất của các mômen là một sự đồng nhất chưa thực sự *đồng nhất hóa* chúng, nói khác đi, khách thể cũng *dửng*

dung đối với sự đồng nhất này của các mômen của nó cũng như đối với sự khác biệt của chúng. Như thế, khách thể cũng *dùng* với chính sự thống nhất trực tiếp của riêng nó, chấp nhận sự khác biệt ở trong mình, nhưng đó chỉ là một sự khác biệt *dùng* dung, tức, một sự khác biệt không thực sự *dị biệt hóa*.

Song, ta đã thấy trước đây rằng: Lượng và đại lượng (Quantum), hay nói rộng hơn, sự đa tạp đều là nơi có tính quy định không-quy định và có sự khác biệt không-dị biệt hóa (§§98, 99, 117, 123). Nay cũng thế, khách thể nào *dùng* dung với sự thống nhất của chính nó sẽ tự phân hóa thành nhiều mômen đa tạp bị *dị biệt hóa* mà sự khác biệt của chúng lại là *dùng* dung với nhau, không chỉ vì đó là đặc điểm của cái đa tạp mà chủ yếu ở đây là vì bản thân mỗi một hạn từ được *dị biệt hóa* lại là (cái) toàn thể của khách thể (§193).

- Vậy, khách thể là một *sự đồng nhất* vừa *loại trừ* vừa *bao hàm* sự khác biệt; và là *một sự khác biệt* vừa *bao hàm* vừa *loại trừ* sự đồng nhất, vì thế, nó là sự mâu thuẫn (§120) và là sự *mâu thuẫn tuyệt đối*, bởi các hạn từ của sự mâu thuẫn không còn chỉ nảy sinh từ sự phản tư của bản chất mà của sự tự-quy định tuyệt đối của Khái niệm.
- Do đó, khách thể là sự *mâu thuẫn tuyệt đối* giữa một bên là sự độc lập-tự tồn hoàn toàn của cái đa tạp (des Mannigfaltigen) (do chỗ bản thân mỗi mômen là cái toàn thể của Khái niệm khách quan) và bên kia là sự *không-độc lập-tự tồn* cũng hoàn toàn (Unselbständigkeit) của bản thân sự độc lập-tự tồn ấy (bởi mỗi mômen khác biệt, tuy là cái toàn thể, cũng chỉ là một mômen của khách thể toàn diện duy nhất). Tóm lại, mỗi cái trong những khách thể đa tạp (do thế giới khách quan duy nhất của Khái niệm tự phân hóa ra) vừa là hoàn toàn độc lập-tự tồn, vừa hoàn toàn không-độc lập tự tồn. Đó chính là sự *mâu thuẫn tuyệt đối* của khách thể.

Phần Nhận xét cho §194

- Định nghĩa mới: “*Cái Tuyệt đối là khách thể*” được Hegel minh họa bằng “*Đơn tử*” (*Monad*) của Leibniz và bằng nhiều ví dụ rất đẹp trong phần *Giảng thêm*. Ở đây, trong khuôn khổ của Chú giải dẫn nhập, ta chỉ tập trung ở khía cạnh *lôgic học* của vấn đề, là nơi

quan niệm về khách thể được minh họa bởi bản thân Logos chứ không phải bằng “Đơn tử” của Leibniz.

- Khách thể lôgic là tồn tại trực tiếp và bền vững để Khái niệm – khi tự khai triển một cách tự do – “kết luận” với nó như với bản thân chân lý (hay sự thật) của sự tự do của nó. Khách thể là cái toàn bộ duy nhất và *còn bất định* của Logos. Tuy nhiên, dù là trực tiếp và đứng vững với các sự khác biệt (đã được vượt bỏ trong nó), khách thể lôgic này chứa đựng một cách *tự-mình*, nghĩa là, trong tính nội tại thuần túy, (cái) toàn thể của thể giới lôgic. Trong sự thống nhất đơn giản của khách thể toàn diện, mọi sự khác biệt giữa *tồn tại*, *hư vô*, *sự trở thành* v.v... không gì khác hơn là cái gì mang tính ý thể và không-độc lập-tự tồn. Không có gì đến từ bên ngoài ở trong khách thể lôgic cả (khác với những gì đã diễn ra đối với “tồn tại-hiện có”, “hạn độ”, “cơ sở”... như là các mômen quá độ mang tính bản chất của Logos), vì khách thể từ nay là Khái niệm toàn diện đã phát triển hoàn toàn. Những sự khác biệt mang tính ý thể (= bị thải hồi) tự tạo ra trong nó ít hay nhiều đều từ sự phát triển của bản thân Khái niệm tùy theo việc Khái niệm “phán đoán” và “suy luận” với chính mình như là “tồn tại”, “bản chất”, “hiện thực” hay “Khái niệm” (đúng nghĩa).
- Tuy nhiên, các sự khác biệt-ý thể này đều là các sự khác biệt của *Khái niệm khách quan toàn diện* tự khách thể hóa hoàn toàn trong *mỗi* mômen của nó. Nhưng, do sự *tồn tại-tự-mình* ở lúc ban đầu hiện nay, khách thể tự phân hóa trong tính đa tạp tuyệt đối của những sự khác biệt, đồng thời nó lại “ý thể hóa” (= thải hồi) chúng trong chính mình một cách đầy mâu thuẫn. Từ nay, cái toàn thể đơn giản của khách thể tự phân hóa thành tính đa tạp tuyệt đối của những sự khác biệt theo kiểu: những sự khác biệt, đến lượt chúng, lại là *những khách thể* độc lập-tự tồn tuyệt đối: như thế, “tồn tại”, “bản chất” và “Khái niệm” vừa chỉ là các mômen-ý thể của Khái niệm khách quan toàn diện, vừa đồng thời (và một cách mâu thuẫn) lại là: “tồn tại” không phải với tư cách là “tồn tại thuần túy” mà như là *Khái niệm* tự-mình, như là một khách thể lôgic toàn diện, là nơi lại có mặt (ở cấp độ của sự phát triển nhất định) sự trực tiếp, sự phản tư và sự tự do, cùng tạo nên bản thân sự vận động của Khái niệm. Cũng thế, đối với “bản chất”, nó là Khái niệm đã được thiết định; đối với phán đoán và suy luận, nó là Khái niệm tự triển khai một cách tự do. Như thế, mỗi cái, ở cấp độ của mình, là một khách thể độc lập-tự tồn như

một “tiêu vũ trụ” lôgic phản ánh tính toàn thể khách quan của Logos (so sánh với “Đơn tử” của Leibniz). Nhưng rồi, trong *Ý niệm* ở bước sau cùng (§213 và tiếp) – sẽ thể hiện như là khách thể của những khách thể và trong tính mục đích hài hòa do nó đặt lên trên những khách thể với tư cách là “Mục đích luận” –, chính cùng những khách thể có tính bản thể và độc lập-tự tồn ấy sẽ, một lần nữa, bị quy giản thành sự không-độc lập-tự tồn và thành tính ý thể, vì chúng, từ đó, không còn gì khác hơn là các mômen của sự triển khai *có phương pháp* của *Ý niệm-tuyệt đối* (§236 và tiếp). Lôgic của khách thể – mà triết học của Leibniz về Đơn tử là sự minh họa xuất sắc trong lịch sử – chính là sự *mâu thuẫn tuyệt đối* hay là sự *mâu thuẫn đã hoàn toàn phát triển*.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §195

a. Cơ giới luận

- Ba hình thức của tính khách quan (hay tính khách thể) là: *cơ giới luận*, *hóa học luận* và *mục đích luận*. Sự gài gũ về tên gọi của hai hình thức đầu với cách nói trong khoa học tự nhiên dễ khiến ta lầm tưởng rằng ta đã đi ra khỏi lĩnh vực của Logos thuần túy. Ta cần lưu ý: cơ giới luận và hóa học luận là các phạm trù của tư duy cho phép ta quan niệm đúng đắn về một số thực tại *vật lý* cơ bản và sơ đẳng nào đó, tuy nhiên, ta không quên rằng cũng có một “cơ giới luận” về những thực tại tinh thần không khác gì đối với giới Tự nhiên (§195, *Nhận xét*). Bên cạnh đó, cũng có một cơ giới luận (và một hóa học luận) đúng theo nghĩa lôgic, và đó là đặc trưng của các mối quan hệ *ngoại tại* (bên ngoài nhau) giữa các khách thể của tư duy. Ở đây, Hegel tập trung xét về cơ giới luận và hóa học luận theo nghĩa *lôgic* chặt chẽ này. Vậy, *cơ giới luận lôgic* chia làm ba loại: 1. Cơ giới luận *hình thức*; 2. Cơ giới luận *dị biệt hóa* hay *được phân biệt*, và 3. Cơ giới luận *tuyệt đối*.

1. Cơ giới luận hình thức:

- Trong sự trực tiếp ban đầu của nó, khách thể là Khái niệm, nhưng còn ở trạng thái *tự-mình* (*an sich*) (mặc nhiên, tiềm năng). Ta không được lẫn lộn hay đồng nhất hóa trạng thái *tự-mình* này của khách thể với “tồn tại” (thuần túy) lúc ban đầu (§84) vốn chỉ mới là Khái niệm *tự-mình*, vì “tồn tại” (§84) chỉ mới là sự trực tiếp của tư tưởng *chưa* tự triển khai như là Khái niệm. Có thể nói: nó là **sự trực tiếp** của Khái niệm, trong khi đó, khách thể là sự trực tiếp như là kết quả của tiến trình khai triển hoàn toàn của Khái niệm: khách thể là sự trực tiếp **của Khái niệm**. Tuy nhiên, cho dù khác với tồn tại (thuần túy) vì chứa đựng trong mình tất cả sự phong phú của Khái niệm đã được vượt bỏ ở trong nó, khách thể vẫn còn chứa đựng sự phong phú ấy một cách *tự-mình* do bản thân sự trực tiếp thoát đầu của nó, và, như đã thấy, chính điều này tạo nên *sự mâu thuẫn* nội tại của khách thể: vừa là Khái niệm, vừa không hoàn toàn và tuyệt đối là Khái niệm. Nó là Khái niệm, nhưng Khái niệm chưa tự khẳng định nơi nó như là Khái niệm. Để tránh lẫn lộn, ta nên làm rõ sự khác biệt giữa khách thể ở đây với “tồn tại” ở §84 bằng cách quy chữ “tự-mình” (*an sich*) vào cho động từ “là” (*ist*) thay vì cho danh từ “Khái niệm” (*Begriff*): ở §84, ta đọc: “tồn tại [thuần túy] là Khái niệm chỉ trong trạng thái *tự-mình* [của Khái niệm]; còn ở đây, ta đọc: “khách thể, trong sự trực tiếp của nó, chỉ mới *tự-mình* là Khái niệm” (cách đọc của M. de Gandillac trong một bản dịch sang tiếng Pháp). Như sẽ thấy, Khái niệm chỉ thể hiện như là Khái niệm *minh nhiên* ngay trong lòng của khách thể ở trong hóa học luận và mục đích luận mà thôi. Còn trong *cơ giới luận*, khách thể chỉ mới là Khái niệm ở dạng tiềm năng, hay nói cách khác, Khái niệm chỉ mới là Khái niệm mặc nhiên hay nội tại ở trong khách thể, nói ngắn: khách thể thoát đầu **có** Khái niệm ở *bên ngoài* mình (§140).
- Và vì lẽ mọi tính quy định logic đều thoát thai từ sự tự-quy định của Khái niệm, nên tính ngoại tại này của Khái niệm trong quan hệ với khách thể sẽ dẫn đến kết quả là: bất kỳ tính quy định nào trong khách thể đều như là một tính quy định được thiết định một cách ngoại tại chứ không hề được tạo ra một cách nội tại bởi bản thân khách thể. Thế nhưng, với tư cách là (cái) *toàn thể* của Khái niệm đã trở về lại với sự trực tiếp, hay, với tư cách là *sự đồng nhất* *tự-mình* của mọi mômen của Khái niệm (§194), khách thể chứa đựng trong chính mình mọi tính quy định và, do đó, là sự thống nhất của các hạn từ khác biệt. Song, vì lẽ mọi tính quy định dị biệt hóa đều được thiết định trong khách thể như là một tính

quy định ngoại tại, nên bản thân sự thống nhất này của các hạn từ khác biệt chỉ có thể là một sự thống nhất *phức hợp* của các hạn từ phân lập với nhau. Trong mỗi quan hệ ấy, khách thể là *một phức hợp* hay *một hỗn hợp* (*ein Zusammengesetztes / ein Aggregat*) thiếu vắng sự thống nhất đúng theo nghĩa của Khái niệm. Bản thân **mỗi** thành tố của cái hỗn hợp toàn bộ này là **một** khách thể, và, với tư cách là khách thể, nó chứa đựng trong mình toàn bộ sức mạnh tác động của Khái niệm (§163), nhưng, do tính ngoại tại đối với nhau giữa các khách thể, *hiệu quả tác động* (*Wirksamkeit*) này của mỗi khách thể lên những khách thể khác (hay lên cái khác nói chung) vẫn còn là một tương quan ngoại tại *không hề* tác động đến cấu trúc *bên trong* của những khách thể. Loại hình của các mối quan hệ ngoại tại này giữa những khách thể tạo thành một phức hợp đơn giản không có sự thống nhất nội tại chính là *CƠ GIỚI LUẬN HÌNH THỨC* (chữ “hình thức” nhấn mạnh đến ưu thế của tính ngoại tại của sự tương tác giữa những khách thể).

- Trong mỗi quan hệ đơn thuần *cơ giới* hay *ngoại tại* này (là nơi các khách thể lôgic quan hệ với nhau nhưng quan hệ này không tác động lên chúng), các khách thể *vừa không-độc lập-tự tồn* (vì chúng chịu tác động của các khách thể khác và cùng nhau tạo nên một khách thể toàn bộ duy nhất), nhưng lại *vừa độc lập-tự tồn* (vì hành động tương tác và sự phức hợp vẫn là ngoại tại đối với chúng), và, với tư cách là độc lập-tự tồn, chúng tiến hành *sự đề kháng* (*Widerstand / résistance*) đối với các khách thể khác và *vẫn ở bên ngoài* nhau.
- Phần *Nhận xét* nêu một số ví dụ về cơ giới luận hình thức ở trong giới Tự nhiên và trong tinh thần hữu hạn. Ở bình diện lôgic, ta thấy rằng cơ giới luận hình thức là cấu trúc (hay đúng hơn: sự vắng mặt của cấu trúc) vốn là đặc trưng của các khách thể lôgic khác nhau (chẳng hạn: *tồn tại, đại lượng, hạn độ, sự vật* v.v...) trong chừng mực chúng chỉ được mang lại cho tư duy như là những thực thể lôgic tự tồn, đối lập nhau một cách trừu tượng ở bên trong sự phức hợp của các phạm trù mà chúng chứa đựng.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §196

2. Cơ giới luận dị biệt hóa

- Như đã thấy, sự mâu thuẫn của khách thể cơ giới là vừa độc lập-tự tồn, vừa không-độc lập-tự tồn. Dựa theo mômen không-độc lập-tự tồn, nó hứng chịu *BAO LỰC*, vì, khi nó là độc lập-tự tồn, sức mạnh tác động lên nó là tuyệt đối xa lạ và mù quáng.
- Tuy nhiên, bạo lực này không phải mù quáng giống như sự tất yếu chưa được khai mở (§157), vì khách thể chỉ chịu đựng bạo lực trong chừng mực nó là độc lập-tự tồn (§195): chính vì nó là (cái) toàn thể của Khái niệm và, do đó, là độc lập-tự tồn mà khách thể chịu đựng sức mạnh tác động của một khách thể khác như là một bạo lực, chứ không chỉ như là một sự tất yếu. Bạo lực là “mạnh” hơn sự tất yếu trong chừng mực nó xâm hấn một đơn tử độc lập, nhưng nó là “yếu hơn” sự tất yếu trong chừng mực, xét đến cùng, một cái toàn thể đã thoát thai từ Khái niệm (như khách thể) không còn phục tùng một “định mệnh” hoàn toàn trừu tượng nữa.
- Hơn nữa, cả hai tính quy định mâu thuẫn nhau (sự độc lập-tự tồn và không-độc lập-tự tồn) không tự thải hồi một cách trừu tượng ở trong nhau như trong lĩnh vực của Tồn tại (§84), vì, khách thể, tuy bản thân là Khái niệm (một cách tự mình, tiềm năng) nhưng nó không còn là cái tự-mình trừu tượng theo kiểu của tồn tại: nó là Khái niệm đã tự-thiết định như là một cái trực tiếp tự-mình (§195) (thể hiện ở việc bị bạo lực tác động). Nói ngắn, khách thể “tự-mình” là Khái niệm, nhưng là Khái niệm được thiết định tự-mình, và, với tư cách ấy, nó là một tồn tại tự trung giới với mình bằng tính phủ định của chính mình, nghĩa là, những tính quy định của nó là có tính tương quan nội tại (§112) (Ta thấy ở đây toàn là các phạm trù của Bản chất: sự tự tồn, sự không-tự tồn, tồn tại-được thiết định v.v... Vậy, có thể nói cơ giới luận hình thức nằm trong khuôn khổ của Tồn tại, còn cơ giới luận dị biệt hóa nằm trong khuôn khổ của Bản chất).

- Ở đây, sự độc lập-tự tồn của khách thể không tự thái hồi một cách trừu tượng ở trong sự không-độc lập tự tồn, trái lại, do sự không-độc lập tự tồn như là sự phủ định mình, khách thể chỉ “*kết luận*” với chính mình, và, như thế, chính là chỗ độc lập-tự tồn của nó. (Chúng tôi tạm dịch chữ “*zusammenschließen*” là “*kết luận*” để biểu thị “suy luận” (Schluß) sẽ còn tái xuất hiện ở §197 tiếp theo).
- Trong khi nối kết với những khách thể bên ngoài (vì phạm mômen độc lập-tự tồn của nó), khách thể độc lập-tự tồn đồng thời tự khẳng định một cách phủ định trong sự khác biệt với tính ngoại tại nói chung, và, nó phủ định tính ngoại tại này bằng và ở trong sự độc lập-tự tồn trước tính ngoại tại ấy. Nói khác đi, sự độc lập-tự tồn phủ định cái bên ngoài (đang phủ định nó), qua đó, đi vào trong chính mình theo kiểu của một cái tồn tại-cho-mình cá biệt do sự phủ định của phủ định mang lại, sự độc lập-tự tồn này của khách thể là sự *thống nhất hay nhất thể phủ định* với mình, và qua đó, tự khẳng định như là “*trung tâm cá biệt*” mà khách thể bên ngoài bao quanh nó giống như vị ngữ bao quanh chủ ngữ làm nhiệm vụ “*thâu gồm*”. Vậy, trong chừng mực nó tự dị biệt hóa với mọi khách thể bên ngoài và bất chúng phục tùng quy luật của sự độc lập-tự tồn của mình, khách thể cơ giới có một *TÍNH TRUNG TÂM (Zentralität)* hay một tính chủ thể theo nghĩa nó là nơi thu hút mọi khách thể bên ngoài (mà cái bản thể ban đầu của nó đã tự phân hóa ra). Nhưng, trong tính trung tâm này (nơi khôi phục tính chủ thể cá biệt của Khái niệm), bản thân khách thể hướng đến cái bên ngoài và quan hệ với bên ngoài, vì nó chỉ là trung tâm của hệ thống cơ giới trong chừng mực nó quy chiếu đến khách thể đa tạp mà nó là trung tâm.
- Chỉ có điều, sự quy chiếu này là việc của *bản thân* khách thể, vì chỉ do nó và ngay trong sự độc lập-tự tồn của nó mà khách thể quan hệ với cái bên ngoài đề kháng lại với nó. Còn về phía cái bên ngoài này, vì lẽ nó cũng là một khách thể, nên cũng là “trung tâm” trong chính nó: nó cũng là một “trung tâm” có sự tương quan với những khách thể khác ở bên ngoài, dù ở trong sự phục tùng cái trung tâm *thứ nhất* của thế giới cơ giới. Như thế, ngược lại với trung tâm thứ nhất, trung tâm thứ hai cũng có tính trung tâm riêng của nó, nghĩa là, có tính trung tâm qua đó nó có được tính chủ thể và tự khẳng định mình như một tự ngã, *không ở trong chính mình mà ở trong trung tâm khác*. Đó chính là *CƠ*

GIỚI LUẬN DỊ BIỆT HÓA (*differentier Mechanismus*) có đặc điểm là: những khách thể độc lập-tự tồn không còn tồn tại dừng đọng, trái lại, có mối tương quan nội tại với những khách thể khác này, mặc dù mối tương quan này không tác động gì đến *bản tính* của chúng, bởi ở đây vẫn chỉ là một mối tương quan *cơ giới, ngoại tại*, chỉ có điều: đó là do chính mình – bởi một tính chủ thể tự phát – mà một khách thể hướng đến một khách thể khác, chứ không phải dưới tác động của một bạo lực từ bên ngoài. (Hegel cho một số ví dụ về cơ giới luận dị biệt: sự hút và sự rơi của sự vật, hay sự hấp dẫn, ham muốn do bản năng hợp quần với những người đồng loại... Ở bình diện lôgic, đó là “sức hút” giữ mọi khách thể lôgic để chúng hấp thu lẫn nhau hay để tự phán đoán và tự “kết luận” với mình).

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §197

3. Cơ giới luận tuyệt đối

- Cho tới nay, cơ giới luận hình thức đã tự triển khai trong khuôn khổ của *sự trực tiếp*, còn cơ giới luận dị biệt hóa trong khuôn khổ của *sự phản tư*. Nhưng, sự phát triển của Quan hệ-phản tư này (là nơi sự độc lập-tự tồn và sự không-độc lập-tự tồn, tính trung tâm chủ quan và tính ngoại tại khách quan phản tư vào nhau trong một sự hỗ tương vốn là đặc trưng của cơ giới luận dị biệt hóa) rút cục tạo nên một *suy luận* nhờ đó chân lý của Khái niệm *tự khôi phục* ngay trong lòng cơ giới luận. Bây giờ ta tìm hiểu tại sao như thế.
- Ta có ba hạn từ trong hệ thống những khách thể: 1. trung tâm tuyệt đối và phổ biến của hệ thống, nhưng đó cũng chỉ là một trung tâm trừu tượng trong chừng mực tính phổ biến toàn năng của nó cũng chỉ tự tồn một cách trừu tượng như là tính cá thể, ở bên ngoài mối tương quan của nó với hai hạn từ khác; 2. trung tâm hay những trung tâm tương đối đặc thù, và 3. những khách thể cá biệt đa tạp không-độc lập-tự tồn của hệ thống. Tương ứng với sự phát triển của Quan hệ bao hàm trong cơ giới luận dị biệt hóa, ta có suy luận thuộc dạng thức thứ nhất $P - D - C$, là nơi tính phủ định nội tại (là tính cá biệt *trung tâm* và, do đó, là tính cá

biệt phổ biến của một khách thể vốn là trung tâm tuyệt đối của hệ thống (trung tâm trừu tượng) (P) quan hệ với những khách thể cá biệt không-độc lập-tự tồn như với đối cực khác (C) không phải một cách trực tiếp mà nhờ vào một hạn từ trung gian (là trung tâm hoặc những trung tâm tương đối đặc thù) (Đ) hợp nhất trong mình tính trung tâm và sự không-độc lập-tự tồn của những khách thể trong chừng mực, với tư cách là trung tâm tương đối, nó chỉ là trung tâm của những khách thể khác khi có trung tâm của mình ở trong một khách thể khác với mình, và như thế, kết hợp trong mình tính trung tâm của trung tâm tuyệt đối và sự không-độc lập-tự tồn của những khách thể đa tạp. Một hệ thống cơ giới như thế – là nơi bản thân các tính quy định của Khái niệm tái xuất hiện và kéo theo nhau – là cơ giới luận ở trong chân lý đã được nâng cao hơn: *CƠ GIỚI LUẬN TUYỆT ĐỐI*. (Ví dụ: trong lĩnh vực Logic: Khái niệm (khách thể) là trung tâm tuyệt đối quan hệ với những phạm trù trực tiếp và phản tư đa tạp (những khách thể không-độc lập-tự tồn) nhờ vào sự trung gian của các trung tâm tương đối (các “khách thể” như: “Tồn tại” và “Bản chất”).

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §198

- Chân lý của mọi suy luận có một “bộ ba” các suy luận, nơi đó mỗi mômen của Khái niệm lần lượt giữ vai trò của hạn từ trung gian (§189). Chân lý của suy luận $C - Đ - P$ (hoặc $P - Đ - C$) – thể hiện cơ giới luận tuyệt đối như vừa chỉ ra ở trên – cũng là một “bộ ba” của các suy luận.
- Tiếp thu suy luận $C - Đ - P$, thoát đầu ta có suy luận $P - C - Đ$ là nơi sự trung giới của hệ thống cơ giới tuyệt đối tác động nhờ vào những khách thể cá biệt không-độc lập-tự tồn. Cơ giới luận hình thức (§195) ở yên trong những khách thể cá biệt trong chừng mực chúng hình thành nên một phức hợp hỗn tạp và ngoại tại, độc lập với trung tâm tuyệt đối và những trung tâm tương đối. Nhưng, *tính cá biệt* tòi của những khách thể không-độc lập tự tồn, tức tính cá biệt trực tiếp của chúng (bị tách rời một cách trừu tượng khỏi tính phổ biến của khách thể trung tâm) lại giữ một vai trò trung giới trong hệ thống cơ giới tuyệt đối, vì chính ở trong và nhờ vào những khách thể này mà toàn bộ hệ thống (kể cả trung

tâm tuyệt đối và những trung tâm tương đối) có sự không-độc lập tự tồn của nó. Thật thế, tính khách quan (tính khách thể) chính là cái vũ trụ đầy mâu thuẫn này, là nơi một tính tương quan tuyệt đối hợp nhất những khách thể tuyệt đối độc lập-tự tồn. Là những “đơn tử” (Monade) khép kín, chúng có tính độc nhất loại trừ, đồng thời có chung đặc điểm là không-độc lập tự tồn. Và chính mômen không-độc lập tự tồn này là mômen tự khẳng định rõ nhất trong toàn bộ những khách thể cá biệt không-độc lập tự tồn. *Tính cá biệt* tối của chúng – như là không-độc lập tự tồn – là *tính phổ biến* ngoại tại tập hợp mọi mômen của hệ thống, không phải một cách bản thể như là trung tâm tuyệt đối mà một cách phản tư. Dưới tác động bạo lực của trung tâm phổ biến, được trung giới bởi tác động bạo lực của những trung tâm đặc thù, những khách thể cá biệt đồng thời được thiết định như là tính phổ biến ngoại tại của hệ thống (C – P); chúng tạo nên sự thống nhất của các đối cực của suy luận C – D – P và trở thành yếu tố trung giới của hệ thống cơ giới (§186). Chính xác hơn, bản thân chúng là hạn từ trung gian giữa trung tâm tuyệt đối phổ biến và trung tâm tương đối đặc thù. Thật thế, trung tâm tương đối chỉ là tương đối là vì nó chỉ quan hệ với chính mình như trung tâm chủ quan khi hướng đến trung tâm tuyệt đối, và điều này là do tính ngoại tại của quan hệ với mình của nó. Thế mà, trung tâm tương đối có tính ngoại tại này ở ngay trong những khách thể cá biệt đa tạp mà nó phân hóa ra. Vậy, nếu trung tâm tương đối phục tùng trung tâm tuyệt đối, đó là nhờ vào những khách thể cá biệt không-độc lập tự tồn. Những khách thể cá biệt (C), sau đó, cũng là hạn từ trung gian giữa trung tâm *tuyệt đối* phổ biến (P) và trung tâm *tương đối* đặc thù (D), mang lại hình thức suy luận P – C – D. Thật vậy, nếu trung tâm tuyệt đối và những trung tâm tương đối không kết hợp với nhau mà vẫn bị tách rời và tạo nên các đối cực, thì chính nhờ vào sự không-độc lập tự tồn của những khách thể cá biệt tập hợp chung quanh các trung tâm tương đối và tháo rời những trung tâm tương đối này ra khỏi nhau, đồng thời khỏi trung tâm tuyệt đối; và, chính nhờ vào cùng một sự không-độc lập tự tồn này của những khách thể cá biệt mà trung tâm tuyệt đối và trung tâm tương đối quan hệ được với nhau, vì chính sự phai tàn và sự bấp bênh của những khách thể cá biệt sẽ tác động để có được sự quá độ từ một trung tâm tương đối này sang một trung tâm tương đối khác, và, rút cục, buộc trung tâm tương đối phải phục tùng trung tâm tuyệt đối.

- Nhờ vào suy luận $P - C - D$, cái phổ biến đã được thiết định như là đặc thù và, do đó, như là cái trung giới giữa các đối cực mà các vị trí bây giờ do các hạn từ còn lại chiếm giữ; điều này mang lại hình thức suy luận $D - P - C$ (§187). Nói cách khác, *tính trung tâm tuyệt đối* – như là yếu tố phổ biến-bản thể (P) – cũng là hạn từ trung gian giữa trung tâm tương đối đặc thù (Đ) và những khách thể cá biệt không-độc lập tự tồn (C). Thật thế, trung tâm tuyệt đối giống như “trọng lực” (Schwere / gravity / gravité hay pesanteur) luôn đồng nhất và thâm nhập vào mọi khách thể và làm cho chúng tham dự vào một xu thế chung hướng đến trung tâm. (Hegel đặt chữ “trọng lực vẫn luôn đồng nhất” vào trong vòng ngoặc vì đây chỉ là một ví dụ được rút ra từ giới Tự nhiên, được bàn kỹ trong tập II của Bách khoa thư: §§262-271).

Vậy, tính trung tâm tuyệt đối là bản thể phổ biến thâm nhập vào mọi khách thể xét như là tùy thể của sức mạnh của nó. Tuy nhiên, tính phổ biến-bản thể này không thủ tiêu sự phân biệt giữa mọi khách thể và không đồng nhất hóa chúng một cách trừu tượng với cái trung tâm. Thật thế, như là sự đồng nhất phủ định với mình và là tính phủ định nội tại, tính trung tâm tuyệt đối chỉ là cái phổ biến-bản thể khi kết hợp cả tính phủ định thuần túy của tính cá biệt. Song, như là tính cá biệt, trung tâm phổ biến tự dị biệt hóa và tự đẩy chính mình và phân ly trung tâm đặc thù và những khách thể cá biệt. Do đó, tính phổ biến-bản thể của trung tâm tuyệt đối là nhân tố trung giới đích thực giữa trung tâm tương đối và những khách thể không-độc lập tự tồn trong hình thức của suy luận $D - P - C$. Nó là hạn từ trung gian vừa theo cả hai nghĩa: là mômen của tính phủ định hay tính cá biệt nội tại, vừa là mômen của tính phổ biến đồng nhất. Theo mômen trước, nó trung giới trung tâm tương đối với những khách thể không-độc lập tự tồn bằng cách phân ly chúng bằng phán đoán phân đôi hay ly tiếp (§177); còn theo mômen sau, nó trung giới hai cái trên bằng cách tự khẳng định như là sự cố kết đồng nhất và sự tồn tại-trong-mình không bị xáo trộn để trong đó, cả hai cái trên có được thực tại và sự bền vững.

- Phần Nhận xét cho §198

- Hegel đưa ra hai ví dụ khá sáng sủa:
 - mượn một số thuật ngữ của chính ông trong lĩnh vực cơ học trọng lực (“trung tâm tuyệt đối”, “trung tâm tương đối”, “trọng

lực”...) để cho thấy thái dương hệ là một ví dụ của sự tổ chức thành một hệ thống gồm “ba suy luận” của cơ giới luận tuyệt đối.

- trong lĩnh vực Tinh thần khách quan thực hành, đó là ví dụ về “ba suy luận” của Nhà nước. Các ví dụ này khá sáng tỏ và không cần chú giải.

Ở đây, ta có thể bổ sung: ba suy luận của cơ giới luận tuyệt đối cũng triển khai ngay trên bình diện *lôgic*, trong chừng mực Ý niệm cũng có thể được xét như một hệ thống những khách thể:

1. Mỗi phạm trù lôgic *cá biệt* “kết luận” với khách thể lôgic *phổ biến tuyệt đối* (tức, với Khái niệm và Ý niệm) qua sự trung giới của lĩnh vực lôgic *đặc thù* của nó (Tồn tại, Bản chất, Khái niệm) theo dạng thức suy luận **C – Đ – P**.
2. Đồng thời, các khách thể lôgic cá biệt và không-độc lập tự tồn (tồn tại-hiện có, sự vật, sự bất tất, cái đặc thù v.v...) tạo nên thực tại của các trung tâm *đặc thù* cũng như của Khái niệm phổ biến, vừa đảm bảo sự phân ly của chúng thành những đối cực (“sự trở thành”, “tồn tại-hiện có”... là “trung tâm” nên *tồn tại* không phải là Khái niệm với tư cách là trung tâm của toàn bộ hệ thống) vừa cố kết chúng lại (chính vì “sự trở thành”, “tồn tại-hiện có” v.v... chuyển sang các tính quy định phản tự, rồi Khái niệm mà Tồn tại và Bản chất quan hệ được với Khái niệm đích thực) theo dạng thức suy luận **P – C – Đ**.
3. Nhưng, điều quyết định là: chính cái phổ biến của Khái niệm và Ý niệm là hạn từ trung gian-bản thể, trong đó những khách thể cá biệt và những trung tâm đặc thù có được thực tại của chúng, theo dạng thức **Đ – P – C**.

Vậy, chỉ nhờ vào bản tính của “kết luận” của suy luận, chỉ nhờ vào “bộ ba” suy luận mà một *cái toàn bộ* mới thực sự được thấu hiểu trong sự tổ chức *hợp lý tính* của nó.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §199

- Điều làm cho cơ giới luận, kể cả cơ giới luận tuyệt đối, vẫn chỉ là một cơ giới luận *ngoại tại*, chính là do *sự trực tiếp* của sự hiện hữu của những khách thể trong cơ giới luận tuyệt đối này. Những khách thể này là kết quả của việc tự thái hồi của sự trung giới của Khái niệm và, trong nghĩa ấy, là những *cái đang hiện hữu* (§§122, 193), nhưng đó là những cái đang hiện hữu che giấu sự trung giới – mà từ đó chúng thoát thai ra – đằng sau sự độc lập-tự tồn *trực tiếp* của chúng.
- Tuy nhiên, sự trực tiếp này của sự hiện hữu của những khách thể cơ giới thực ra đã được phủ định một cách *tự-mình* hay *mặc nhiên* ở chỗ: sự độc lập-tự tồn của chúng đã được trung giới bởi những mối tương quan giữa chúng với nhau, tức, bởi sự không-độc lập-tự tồn của chúng. Như thế, tất cả vấn đề còn lại phải giải quyết về mặt lôgic là phải *thiết định* khách thể như là được *dị biệt hóa* (*different*) đối với cái khác *của nó* ngay trong *sự hiện hữu*. Thật thế, cho đến nay, do sự trực tiếp còn giữ vai trò chủ đạo, nên chúng còn *dừng dưng* với nhau (ngay cả trong cơ giới luận dị biệt hóa là nơi tính tương quan qua lại là rất mật thiết, nhưng tính tương quan này, như đã nói, không tác động gì đến bản tính của chúng (§196)).
- Sự dừng dưng này đã được *mặc nhiên* thái hồi trong diễn trình ngày càng phức tạp của các mối tương quan giữa những khách thể kinh qua các sự phát triển của ba cơ giới luận: hình thức, dị biệt hóa và tuyệt đối. Do đó, *HÓA HỌC LUẬN* sẽ có nghĩa là: từ nay, trong *sự hiện hữu* của mình (tức trong việc xuất hiện ra ở bên ngoài Khái niệm làm nhiệm vụ trung giới), khách thể được *thiết định* như là “không-dừng dưng” hay như là được “dị biệt hóa” đối với cái khác *của nó*, nghĩa là, không phải đối với một cái Khác nói chung mà với một cái Khác có mối tương quan mật thiết khiến cho mỗi cái và cái khác chỉ là chính mình một cách bản chất là ở trong mối tương quan qua lại của chúng (§119). Tiêu đoạn sau sẽ đi vào *HÓA HỌC LUẬN*.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §200

b. Hóa học luận

- Khách thể hóa học hay *KHÁCH THỂ DỊ BIỆT HÓA HAY KHÁCH THỂ ĐƯỢC PHÂN BIỆT* (*das differente Objekt*) là khách thể có một *tính quy định* (*Bestimmtheit*) nội tại phân biệt sự hiện hữu của chính nó với cái khác của nó. Thật thế, khách thể cơ giới dị biệt hóa trước đây cũng có một tính quy định nội tại (xu hướng tự phát hướng đến trung tâm) làm cho nó có mối tương quan với cái khác (§196), nhưng điều nghịch lý là: tính quy định nội tại này vẫn còn là *ngoại tại* đối với khách thể cơ giới, vì nó chỉ tác động đến khách thể trong sự vận động tự phát nhưng *dừng đọng* của “trọng lực” làm cho nó xoay quanh khách thể trung tâm chứ không phải trong bản thân bản tính của nó. Trái lại, ở đây, *khách thể dị biệt hóa* hay *khách thể hóa học* có một *tính quy định* thực sự nội tại, tạo nên bản tính của riêng nó, và chính ở trong và thông qua tính quy định này mà khách thể có được sự hiện hữu, nghĩa là, đi ra khỏi Khái niệm trung giới và phản tư-trong-cái-khác đồng thời với việc phản tư-trong-mình. Nói ngắn, do tính quy định nội tại, khách thể hóa học mới là chính bản thân nó và đối lập với cái khác *của nó* một cách rõ rệt: tính quy định nội tại của khách thể là nguồn gốc của sự đối lập trong chừng mực, nói như Spinoza, tính quy định ấy là sự khẳng định, đồng thời là sự phủ định (cái khác), và càng nội tại bao nhiêu càng tạo nên bản tính thâm sâu của khách thể bấy nhiêu.
- Tuy nhiên, với tư cách là *khách thể*, khách thể lôgic, dù được phân biệt và xác định bao nhiêu đi nữa, vẫn là cái toàn thể được *Khái niệm* thiết định. Chính *toàn bộ Khái niệm* được thiết định một cách minh nhiên ở trong nó, chứ không chỉ là *một tính quy định* bộ phận của Khái niệm. Như thế, là (cái) toàn thể được thiết định của Khái niệm, khách thể hóa học nhất định là *sự mâu thuẫn* của (cái) toàn thể này, vì (cái) toàn thể này vừa là của chính nó, vừa của tính quy định của sự hiện hữu của nó. Do đó, khách thể hóa học là xu hướng năng động và tự phát nhắm tới việc thủ tiêu, thái hồi sự mâu thuẫn này. Thật ra, nó *đã mặc nhiên* khắc phục sự mâu thuẫn trong chừng mực nó là (cái) toàn thể, vì, với tư cách là toàn thể, khách thể là *cái toàn thể của tính toàn thể lẫn của tính quy định nhất định của nó*.

- Nhưng, từ nay, xu hướng hay nỗ lực (Streben) này không còn tự giới hạn ở việc khôi phục trừu tượng một vận động lôgic theo kiểu “trọng lực”, trái lại, qua đó, khách thể dị biệt hóa nỗ lực làm cho cái tồn tại-hiện có trực tiếp, tức cái tồn tại-được quy định nhất định của nó *ngang bằng* với Khái niệm toàn diện vốn là bản thân nó, bằng cách hội nhập cái tồn tại-hiện có này vào với tồn tại-hiện có của cái *khác* có tính đối lập và bổ sung của nó.
- Một ví dụ minh họa trong lĩnh vực lôgic về Quan hệ hóa học luận này:
Ta có các phạm trù của Logos, chẳng hạn “khách thể-tồn tại”, “khách thể-bản chất” v.v...: Tồn tại (với các phạm trù của nó) không tự giới hạn ở việc xoay quanh (trọng trường) của Bản chất như là vẻ ngoài của Bản chất mà được quy định nhất định một cách nội tại ngay trong bản tính của nó bởi mối quan hệ với cái khác *của nó*, tức với Bản chất; và, với tư cách là khách thể toàn diện (là nơi toàn bộ Khái niệm tự thực hiện), Tồn tại là xu hướng hay nỗ lực năng động và tự phát để *tự ngang bằng* với tính toàn thể của Khái niệm (vốn là nó một cách tự mình, mặc nhiên) bằng cách kết hợp với Bản chất như với nguyên tắc thứ hai *của nó*.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §201

- Tiến trình qua đó khách thể hóa học hướng đến việc vượt bỏ sự mâu thuẫn của nó và để trở nên ngang bằng với Khái niệm là tiến trình hóa học. Vì lẽ tiến trình này là nhằm “hội nhập” giữa khách thể dị biệt hóa và cái khác của nó, nên *sản phẩm (Produkt)* của tiến trình này là cái phức hợp *TRUNG TÍNH (das Neutrale)* của các đối cực (chữ “*sản phẩm*” cho thấy tính chất ngoại tại của sự tổng hợp “hóa học” giữa các khách thể. Còn chữ “*cái trung tính*” cũng biểu thị rằng sản phẩm này cũng có tính ngoại tại, qua đó các đối cực “trung hòa” trong một sự khẳng định cạn cợt thay vì hợp nhất ngay trong sự căng thẳng của sự đối lập phủ định, bởi lẽ hóa học luận vẫn còn tiếp tục dựa trên tiên-giả định về sự trực tiếp độc lập-tự tồn của các khách thể của nó).

- Các đối cực, tuy phân tán, nhưng cũng là tính toàn thể của Khái niệm, do đó, *tự-mình* hay *mặc nhiên* là *sản phẩm trung tính* thoát thai từ sự phối hợp của chúng. Dù còn có chỗ khiếm khuyết về mặt tư biện (do vẫn còn mang *sự trực tiếp* giống như cơ giới luận và chỉ mới là sự phủ định *thứ nhất* đối với cơ giới luận, chứ chưa phải là sự phủ định của phủ định), Quan hệ hóa học đã có tính “suy luận” trong chừng mực thực tại của nó là thực tại của một tính khách quan (tính khách thể) ra đời từ Khái niệm. Khái niệm – hay cái phổ biến cụ thể – là cái toàn thể hợp nhất hai đối cực một cách *mặc nhiên*, nghĩa là, về mặt nội tại, là mỗi cái trong cả hai, nhưng chưa được cá thể hóa một cách minh nhiên như là cái toàn thể trong từng đối cực. Cho tới nay, cái toàn thể chỉ mới hiện diện như là *xu hướng* năng động từ bên trong, thúc đẩy mỗi khách thể tự kết hợp với cái khác của nó. Trong sản phẩm cá biệt – như là kết quả của sự phối hợp các khách thể hóa học –, cái toàn thể (cho tới nay bị tách rời thành hai hay nhiều khách thể đặc thù) đã đạt tới sự hiện hữu như là cái toàn thể, và, như thế, “kết luận” mình (như là bản chất phổ biến) với mình (như là tính cá biệt hiện thực) bởi xu hướng đặc thù hóa thành những khách thể dị biệt hóa và bởi tiến trình hóa hợp giữa các khách thể này.

Vậy, ta có suy luận thuộc dạng thứ nhất: **C – Đ – P**: Khái niệm, tức cái phổ biến cụ thể (P) – ví dụ: Khái niệm như là bản chất phổ biến của Logos – hợp nhất với tính cá biệt (C), tức với sản phẩm nhất định và duy nhất của tiến trình – ví dụ: cái hiện thực hay cái tất yếu – bằng sự trung giới của sự phân biệt (Differenz) giữa các khách thể hay bởi sự đặc thù hóa (Đ), ví dụ: phán đoán dựa theo sự phân chia thành khách thể-tồn tại và khách thể-bản chất.

Nhưng, trong tiến trình này cũng có mặt cả hai dạng thức còn lại của suy luận. Thật thế, tính cá biệt không chỉ hiện diện trong tiến trình này theo nghĩa sự thống nhất phủ định với mình kết hợp một cách khẳng định với tính cá thể của sản phẩm, mà tính cá biệt, còn là tác động hiện thực hóa của Khái niệm (§163) như là hoạt động tuyệt đối, và, với tư cách là sự hoạt động, nó đồng thời cũng là yếu tố làm nhiệm vụ *trung giới* của suy luận của tiến trình hóa học, từ đó ta có dạng thức suy luận thứ hai: **P – C – Đ**. Tương tự như thế, cái phổ biến cụ thể trong sản phẩm trở thành tồn tại-hiện có không chỉ là điểm xuất phát của tiến trình hóa học mà, với tư cách là bản chất chung hay phổ biến của các đối cực, đến lượt mình, cũng là yếu tố trung giới của suy luận, tức là nơi diễn ra

tiến trình tự phát triển, và ta có dạng thức thứ ba của suy luận: **D**
- **P** - **C**.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §202

- Nằm giữa một bên là sự tồn tại *trực tiếp* của khách thể cơ giới và bên kia là sự tái-khẳng định tự do của Khái niệm cho-mình ở trong *mục đích luận* (§204), hóa học luận là mômen quan hệ *phản tư* ngay trong lòng của khách thể. Với tư cách là quan hệ *phản tư* của tính khách thể, hóa học luận lấy hai điều sau đây làm tiền đề: bản tính hóa học *dị biệt hóa* của những khách thể và sự độc lập-tự tồn *trực tiếp* của chúng. Đó là lý do tại sao tiến trình hóa học không có được *tính trôi chảy hoàn hảo* của việc tự-vận động của Khái niệm. Nó chỉ là sự “*đi lui và đi tới*” của hình thức này sang hình thức kia (tức từ trạng thái xung đột sang trạng thái trung tính hóa), nghĩa là những hình thức ở bên ngoài nhau và chưa có sự thống nhất tư biện. Việc “*đi lui và đi tới*” (das Herüber-und Hinübergehen / going back and forth / le va-et-vient) cho thấy sự thiếu cân bằng tư biện: trong trạng thái xung đột trừu tượng, các khách thể hóa học ở “*bên này*” của sự thống nhất đích thực, còn trong trạng thái trung tính dừng đọng, rồi lại ở phía “*bên kia*”, và cả hai trạng thái đều không được hòa giải với nhau.
- Trong sản phẩm trung tính, các thuộc tính phân lập và xung đột đã được thái hòa. Điều này cho thấy: sản phẩm trung tính vừa phù hợp với Khái niệm (sự thống nhất bao hàm các tính quy định, giống như trong “*hiện thực*”, thì “*bản chất*” và “*tồn tại*” không còn giống như trước), đồng thời vừa *không* phù hợp với Khái niệm, và, do đó, là một tính khách thể *hữu hạn*, vì lẽ, trong kết quả phủ định của phủ định (tức sự phủ định qua lại của những khách thể hóa học), phương diện khẳng định (sự trung tính đồng nhất hay dừng đọng) *loại trừ* phương diện phủ định của việc tự-dị biệt hóa. Chính sự *tĩnh tại* của sản phẩm trung tính, chính việc thiếu tính năng động nội tại là cái giá phải trả cho *sự trực tiếp* của khách thể hóa học. Thật thế, trong chừng mực bản thân sản phẩm trung tính bị rơi trở lại vào trong *sự trực tiếp* (là đặc điểm của toàn bộ tiến trình), thì nguyên tắc *kích hoạt* của việc dị biệt hóa (das begeistende Prinzip der Differentiierung / the inspiring

principle of differentiation / le principe actif et stimulant de la différenciation) không có mặt trong bản thân sản phẩm mà ở bên ngoài nó, vì tính khẳng định trung tính đã ngăn cản tính phủ định năng động của việc tự-dị biệt hóa. Vì thế, sản phẩm trung tính không thực sự dị biệt hóa bởi chính mình mà chỉ là một cái gì “*có thể tách rời được*” (*ein trennbares*) mà thôi. Như thế, nguyên tắc “phán đoán” (“phân chia” / *urteilend*) cũng như tiến trình tách rời (tạo nên xung đột) rơi ra bên ngoài tiến trình *thứ nhất* (tiến trình trung tính hóa).

- Vậy, trong hóa học luận, ta không có được đồng nhất mang tính Khái niệm đích thực giữa phủ định của phủ định (như là sự khẳng định đồng nhất và phổ biến) với sự phủ định của phủ định (như là sự dị biệt hóa tự do, có tính phủ định với chính mình). Nói khác đi, hai tiến trình (trung tính hóa của cái khác biệt và dị biệt hóa cái đứng vững) rơi ra khỏi nhau. Và đó cũng chính là *sự hữu hạn* hay *tính bị giới hạn* của nó.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §203

- *Tính ngoại tại* (hay việc “*ở bên ngoài nhau*”) của hai tiến trình cho thấy sự hữu hạn (giới hạn) của chúng ở chỗ: chúng “trung lập hóa” nhau bằng cách trở thành những sản phẩm trong đó chúng bị thải hồi và đánh mất tính năng động thay vì tự hợp nhất trong *sự vô hạn* của một vòng tròn vận động. Tình hình này sẽ phải tự “sửa chữa” ngay trong lòng của hóa học luận, nghĩa là, hai tiến trình phải hòa giải với nhau trong tính phủ định tuyệt đối duy nhất của Khái niệm (vừa dị biệt hóa, vừa quay trở lại với chính mình).
- Thật thế, tính ngoại tại của hai tiến trình hóa học có *cơ sở* trong sự độc lập-tự tồn *trực tiếp* của những khách thể (tiền đề của hóa học luận: §202). Song, nếu tính ngoại tại và tính hữu hạn của các tiến trình ấy bị phơi bày bởi sự trực tiếp của những sản phẩm tĩnh tại thì ngược lại, chính bản thân tiến trình hóa học, hay, đúng hơn, chính bản thân *tính tiến trình* của hóa học luận thể hiện như là *tiến trình thủ tiêu hay làm tiêu biến* sự trực tiếp được tiên-giả định của những khách thể dị biệt hóa. Nói ngắn, sự trực tiếp tĩnh tại của những sản phẩm hóa học tố cáo tính hữu hạn và tính ngoại tại của tiến trình hóa học luận, và, ngược lại, bản thân sự có mặt của *tiến trình* hóa học này lại tố cáo sự trực tiếp của bản thân những khách thể hóa học.
- Như thế, tính ngoại tại của tiến trình hóa học **và** tính trực tiếp của những khách thể hóa học phủ định lẫn nhau. Một mặt, chính Khái niệm, với tư cách là khách thể, đã “bị chìm đắm” (*versenkt war*) trong tính ngoại tại và tính trực tiếp này. Từ đó, do chính *sự phủ định* đối với tính ngoại tại và tính trực tiếp (trong đó Khái niệm khách quan đánh mất tính chủ thể tự do của mình) mà Khái niệm, một lần nữa, lại tỏ ra là *tự do* một cách minh nhiên, và, hơn thế nữa, được thiết định *cho-mình, đối lập lại* tính ngoại tại và tính trực tiếp này (*gegen jene Äußerlichkeit und Unmittelbarkeit*).
- Một khi *sự tự do* của Khái niệm không còn phát triển một cách thuần túy nội tại như trong phán đoán và suy luận nữa, mà đối lập lại với tính ngoại tại và tính trực tiếp của khách thể, Khái niệm

được thiết định như là **MỤC ĐÍCH (Zweck)** hay như là nguyên nhân mục đích.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §204

c. Mục đích luận

- Khách thể nói chung là tồn tại *trực tiếp*, nơi đó sự tự do của Khái niệm chủ quan bị đông cứng lại (§194). Từ nay, sự triển khai lôgic của Khái niệm khách quan không gì khác hơn là sự khôi phục từng bước sự tự do hay sự tự-quy định của Khái niệm ngay trong lòng khách thể. Ta ôn lại mấy bước phát triển của sự tự do này:
 - Là tính chủ thể (§162), tính cá biệt hay tính thống nhất phủ định với mình (§163), sự tự do này đã bắt đầu tự tái-khẳng định ngay trong lòng *cơ giới luận* dưới hình thức cực kỳ sơ đẳng của *tính trung tâm* (§§196-198). Thật thế, tuy cơ giới luận tự triển khai một cách “suy luận” và, do đó, phù hợp với nhịp điệu của sự tự do chủ quan, nhưng, nơi cấp độ phát triển này, sự tự-quy định một cách tự do của Khái niệm chủ quan không có *tính khách quan* nào khác hơn là của một khách thể-trung tâm gây nên một sức hút hay sức hấp dẫn ngoại tại đối với những khách thể khác để tạo ra một hệ thống thống nhất.
 - Ngược lại, trong *hóa học luận*, cái tồn tại-cho-mình tự do của Khái niệm đã tái xuất hiện dưới hình thức *cao hơn* của *xu hướng tự phát*, nhờ đó một khách thể hóa học tự tìm cách hợp nhất với khách thể-bổ sung để khôi phục tính toàn thể-khái niệm vốn đã có mặt trong nó một cách mặc nhiên (§200). Nhưng, tiến trình này vẫn không thực sự là tự do, trong chừng mực chưa quay về với chính mình một cách vô hạn, mà chỉ cô định hóa ở trong *sự trung tính* của sản phẩm của nó và cần có một tiến trình ngoại tại để thực hiện điều ấy.
 - Như đã biết, lý do của sự thiếu vắng việc tự-quy định đích thực ở trong cơ giới luận và hóa học luận là sự độc-lập-tự-tồn *trực tiếp* của những khách thể (§§199-202). Chính sự *trực tiếp* này giải thích tại sao sự tự do “bị chìm đắm” ở trong cái tồn tại-tự-mình của tính khách quan (§195). Song, như cũng đã thấy, chính nhờ

xu thế của tiến trình hóa học song đôi mà sự trực tiếp – phủ định sự tự do của khách thể –, đến lượt nó, lại bị phủ định (§203) thông qua *sự phủ định* của tính khách quan trực tiếp của cơ giới luận và hóa học luận: Khái niệm-tự do thoát ra khỏi cái tồn tại-tự-mình (là nơi nó giấu mình như là tính chủ thể nội tại) để từ nay trở thành *tồn tại-cho-mình*, nghĩa là, Khái niệm không còn sa lầy trong cái tự-mình của tính khách quan, mà, nhờ sự phủ định của phủ định, tự khẳng định một cách cho-mình ngay trong lòng thế giới khách quan, và, như thế, thoát ra khỏi thế giới này để đi vào trong sự hiện hữu (Ex-istenz) tự do. Đạt đến cấp độ phát triển này, Khái niệm là **MỤC ĐÍCH** hay **CỨU CÁNH (Zweck)**: quả thật, khi thừa nhận rằng thế giới khách quan có một mục đích hay những khách thể tuân theo một cứu cánh có nghĩa là khẳng định sự hiện diện tích cực (ngay trong lòng tính khách quan) của một nguyên tắc vượt thoát một cách tự do, vì nó tạo nên tiêu chuẩn hoàn toàn tự trị của sự phát triển. Nguyên tắc này vượt xa vô hạn so với “trung tâm cơ giới” lẫn “khách thể hóa học dị biệt hóa”, bởi, ngay bên trong một hệ thống khách quan, mục đích là cái gì *tự đối lập với hệ thống ấy*; nó là hạt mầm có mặt từ trước, và khi triển khai mình nhiên, sẽ là điểm khởi đầu và điểm kết thúc (alpha và omega) của sự phát triển khách quan, của nguyên tắc và cứu cánh của sự phát triển. Nói ngắn, mục đích là sự thống nhất *khả niệm* dự đoán sự phát triển của thế giới khách quan.

- Vậy, mục đích là *chân lý* của cơ giới luận và hóa học luận, vì nơi nó, tính chủ thể nội tại đạt tới sự tồn tại-cho-mình tự do. Và, với tư cách là chủ thể, nó vừa là sự tự do vươn đến việc tự triển khai trong khách thể, vừa là sự tự do để khách thể vươn đến như là sự hoàn tất của chính mình. Tuy nhiên, mục đích không chỉ là *chủ quan* theo nghĩa khái quát rằng trong nó, tính chủ thể-khái niệm đạt được sự hiện hữu tự do một cách khách quan. Sở dĩ nó được quy định chính xác như là *chủ quan* là vì sự phủ định qua đó nó đi tới chính mình (tức sự phủ định tính khách quan trực tiếp) thoát đầu chỉ mới là một sự phủ định *trừu tượng*, nghĩa là, một sự phủ định chưa tự phủ định chính bản thân mình một lần nữa để hướng đến tính khách quan như sẽ diễn ra trong việc *thực hiện* mục đích, và, vì thế, ở giai đoạn đầu tiên này, tính khách quan đối diện với mục đích một cách trừu tượng giống hệt như mục đích đối diện với tính khách quan. Đối diện với mục đích vốn chỉ mới là một mục đích chủ quan, ở đây ta chỉ có một khách thể cũng

trừ tượng (tính khách quan đơn thuần có tính cơ giới và hóa học) đối lập lại với mục đích chủ quan.

- Hiểu như thế, tính chủ thể (chủ quan) là một giới hạn đã hạn định tính toàn thể của Khái niệm và chỉ ưu tiên một trong các mômen của Khái niệm, đó là mômen của sự phản tư, còn bỏ qua mômen của sự tồn tại, trong khi Khái niệm là sự thống nhất tuyệt đối của sự tồn tại và sự phản tư-trong-mình (§159) và mỗi mômen của Khái niệm, về nguyên tắc, là cái toàn bộ của bản thân Khái niệm.
- Việc quy định này của *tính chủ thể* thoát đầu cũng chỉ là *phiên diện* so với tính toàn thể của Khái niệm, và điều này không chỉ là *cho ta* (cho sự phản tư từ bên ngoài) mà còn *cho bản thân mục đích*, vì mục đích là Khái niệm tồn tại-cho-mình hay vô hạn, trong đó mọi tính quy định đều được thiết định như là bị thái hồi. Cho tới nay, Khái niệm chủ quan vẫn chưa được thiết định như thế, vì lẽ: Khái niệm chỉ có thể được thiết định một cách *chủ quan* (đúng nghĩa) khi *đối lập lại* với Khái niệm được thiết định như là khách quan. Sự đối lập này bây giờ đã xuất hiện và đó là lý do khiến cho mục đích sẽ là chỗ *chuyển hóa* sang Ý niệm (vốn là sự thống nhất tuyệt đối giữa chủ thể và khách thể). Trong khi chờ đợi, trong xu hướng vươn đến khách thể, Khái niệm chủ quan được thiết định *chỉ như là* chủ quan, và, như thế, nó là chân lý không chỉ của khách thể cơ giới và hóa học mà của cả chủ thể.
- Nhưng, đối với bản thân mục đích, nếu tính chủ thể phiên diện chỉ là một bộ phận so với tính toàn thể của sự tồn-tại-cho-mình mang tính Khái niệm của mục đích, thì cũng thế, đối với mục đích, khách thể cơ giới và hóa học chỉ là một thực tại đơn thuần mang tính ý thể, nghĩa là, một thực tại, về nguyên tắc, chỉ là một mômen hữu hạn của tính vô hạn tồn tại-cho-mình của Khái niệm được thiết định như là mục đích, do đó, cũng tự bộc lộ là một bộ phận (phiên diện); nói khác đi, khách thể ấy, xét về mặt *tự-mình hay mặc nhiên*, chỉ là “*hư vô*” (“*nur eine ideelle, an sich nichtige Realität*” / *only an ideal reality, one that is null and void in-itself* / *une réalité qui, prise en soi, n'est virtuellement que du néant*). Như thế, trong chân lý *cao hơn* so với chủ thể và khách thể thuần túy, mục đích là cái gì *đầy mâu thuẫn*.
- Thật thế, một mặt, với tư cách là Khái niệm tồn tại-cho-mình có sự hiện hữu tự do, mục đích có sự đồng nhất với mình, nhưng,

mặt khác, do tính chủ thể ban đầu và sự đối lập ngoại tại và trừu tượng với tính khách quan, mục đích mang đậm dấu ấn của một sự phủ định và một sự đối lập. Do đó, bản thân mục đích là *hành vi tự phát* để thái hồi sự đối lập này. Nó là sự *hoạt động* nhằm phủ định sự đối lập bằng cách thiết định sự đối lập như là đồng nhất với chính mình, nghĩa là, bằng cách không còn tự biến mình thành một trở ngại đối với sự đồng nhất của mình với mình, trái lại, đồng nhất hóa với chính tiến trình vận động để hoàn tất chính mình. Hoạt động thái hồi sự đối lập với khách thể (nhờ vào sự mâu thuẫn nội tại) chính là *VIỆC THỰC HIỆN MỤC ĐÍCH*, trong đó, khi tự biến mình thành cái khác của tính chủ thể của mình, nghĩa là, khi tự-khách thể hóa, mục đích đã thủ tiêu sự khác biệt và sự đối lập trừu tượng giữa tính chủ thể và tính khách thể, và, do đó, thay vì chuyển sang cái khác của mình, mục đích chỉ “kết luận” với mình và *tự bảo tồn* sự ngang bằng với mình.

- Tính tuần hoàn này của mục đích (tự bảo tồn sự đồng nhất với mình ngay trong lòng sự khách thể hóa của mình), mục đích vượt bỏ sự trực tiếp của Khái niệm chủ quan hình thức (§162) lẫn của Khái niệm khách quan cơ giới và hóa học (§194). Nó đang đứng trước ngưỡng cửa của *Ý niệm*, trước chân lý cao nhất của chủ thể lẫn khách thể, nghĩa là, trong *Ý niệm*, chủ thể được thiết định phiên diện như là mục đích hướng đến khách thể một cách minh nhiên để thực hiện chính mình ở trong đó, ngược lại khách thể (được tiền giả định trực tiếp) được hấp thu trong chủ thể thiết định nó như là *phương tiện* cho việc thực hiện chính mình.

- **Phản Nhận xét cho §204**

- Truyền thống triết học Kant gọi khái niệm “*mục đích*” là *Khái niệm của lý tính* (*Vernunftbegriff / concept of reason / concept de la raison*). (Xem: Kant, *Phê phán năng lực phán đoán*, §§61-68, Bùi Văn Nam Sơn, Sđd, tr. 363-392). Định nghĩa này, theo Hegel, thật ra là thừa, vì mọi Khái niệm, do bản tính của chúng, đều là thuần lý, bởi Khái niệm là bản thân lý tính. Nhưng, định nghĩa ấy là cần thiết và chính đáng trong chừng mực ta muốn đối lập *tính phổ biến cụ thể* của mục đích (tự quy định ở trong và bởi chính mình khi tự khách thể hóa) với *cái phổ biến trừu tượng* của giác tính (tự vừa lòng với việc thu gom những tính đặc thù được mang lại cho nó từ bên ngoài).

- Sau đó, Hegel phân biệt rất khéo giữa mục đích như là *nguyên nhân mục đích hay cứu cánh (Endursache / causa finalis)* với nguyên nhân thông thường, đơn thuần là *nguyên nhân tác động (wirkende Ursache / causa efficient)*. Thật thế, “nguyên nhân tác động” thuộc về sự tất yếu còn có tính mù quáng, do đó, có vẻ như chuyển sang cái Khác của nó (tức: kết quả) và đánh mất *tính căn nguyên* của mình ở trong tồn tại-được thiết định. Thật vậy, nguyên nhân không biến mất ở trong kết quả, mà chỉ là hiện thực thực sự ở trong kết quả, và là *causa sui* (nguyên nhân tự thân) tự-mình-và-cho-mình. Tuy gọi là “tự-mình-và-cho-mình” có vẻ tuyệt đối, nhưng nguyên nhân thực ra chưa phải là “tự-mình-và-cho-mình” một cách minh nhiên “cho-mình”: nguyên nhân chỉ là nguyên nhân ở trong kết quả một cách tự-mình hay là “cho-ta”, còn đối với bản thân nguyên nhân thì sự đồng nhất này vẫn còn bị che giấu. Ở đây, ta nhận rõ tính hàm hồ của Logic học về Bản chất, vì đó là nơi những tính quy định chưa được phản tư “trong-mình” một cách tuyệt đối (§112), trái lại, các phạm trù của nó chỉ được suy tưởng bởi Khái niệm phơi bày một sự chặt chẽ nội tại vẫn còn mặc nhiên. Trong khi đó, mục đích được thiết định một cách minh nhiên như là phải chứa đựng *trong chính nó* sự quy định rằng nó tự thực hiện và tự khách thể hóa, nghĩa là một tính hiện thực mà ở cấp độ của tính nhân quả-tác động, còn tỏ ra là một tồn tại-khác, tức là kết quả như là cái gì tách rời khỏi nguyên nhân. Nói khác đi, khi tác động, mục đích không tạo ra điều gì khác hơn là cái đã có, tức bản thân nó, vì, về nguyên tắc, trong khi còn ẩn chứa cái toàn thể bên trong cái tồn tại-cho-mình, nó đã “dự đoán” sự triển khai khách quan của nó. Khác với nguyên nhân là cái chỉ đạt được hiện thực đích thực khi thiết định kết quả, mục đích lập tức có được sự đồng nhất-với-mình, và, khi thiết định sự khách thể hóa chính mình, nó không “đi tìm” sự đồng nhất này mà chỉ đơn thuần xác nhận và phát triển sự đồng nhất một cách nội tại. Đó là lý do tại sao trong “hoạt động hiệu quả” (Wirksamkeit), mục đích không chuyển sang một cái khác mà *tự-bảo tồn* mình, nghĩa là, chỉ tuyệt đối tạo ra chính mình như là kết quả (er bewirkt nur sich selbst), là chỗ *kết thúc* những gì đã có ngay *từ đầu* trong tính nguyên thủy của nó, nghĩa là, chỉ nhờ sự trung giới của việc bảo tồn tích cực chính mình này mà cái gì đích thực là nguyên thủy và trực tiếp được tồn tại như là nguyên thủy và trực tiếp.

- “Mục đích” đòi hỏi ta phải nắm bắt nó một cách tư biện, tức, trong sự đồng nhất của các tính quy định đối lập của nó (§82). Thật thế, một mặt, nó là Khái niệm tồn tại-cho-mình một cách tự do, tập trung các tính quy định vào trong *sự thống nhất* và trong *tính ý thể* của cái tồn tại-cho-mình của nó, nhưng mặt khác, do tính phiến diện của tính chủ thể ban đầu, cũng chính mục đích ấy chứa đựng cái đối lập lại sự thống nhất, tức, chứa đựng sự phủ định, hay, chính xác hơn, chứa đựng “*phán đoán*” phân chia, nghĩa là, sự đối lập giữa một bên là cái chủ quan và bên kia là cái khách quan (trở thành một *thực tại* đối lập *tạm thời* với tính ý thể của mục đích), để rồi, khi tự thực hiện một cách tích cực, mục đích cũng lại là việc thái hồi sự đối lập này. Nhiệm vụ của tư duy tư biện là phải nắm bắt sự thống nhất này giữa tính ý thể và mục đích, giữa sự đối lập bên trong và việc thái hồi, khắc phục sự đối lập ấy.
- Các đoạn còn lại của *Nhận xét* được viết khá sáng sủa, do đó không cần phải chú giải.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §205

- Quan hệ mục đích luận tuy là sự vận động qua đó Khái niệm và khách thể cùng tự vượt bỏ để hướng đến Ý niệm, nhưng nó vẫn còn ở *bên trong* tính khách thể và, do đó, còn mang *tính trực tiếp* và *tính ngoại tại* của tính khách thể (tính khách quan). Trong chừng mực còn gắn liền với tính trực tiếp của mục đích chủ quan phiến diện và của khách thể đối lập lại mục đích ấy (§204), bản thân quan hệ mục đích luận này là *trực tiếp*, và, với tư cách là trực tiếp, nó thoát đầu là tính mục đích đơn thuần *ngoại tại*, là nơi Khái niệm chủ quan chưa hoàn toàn nội tại trong khách thể như trong *Ý niệm* sắp tới, mà đối diện với khách thể như với một khách thể *được tiên-giả định* hay *tiền-thiết định*, nghĩa là, một khách thể không được hoàn toàn thiết định và tạo ra bởi Khái niệm tuyệt đối.
- Đối với khách thể cơ giới và hóa học nói chung, ta có thể nói rằng khách thể ấy có Khái niệm ở bên ngoài mình (§195): mục đích

chủ quan chính là Khái niệm còn ở bên ngoài khách thể và vẫn còn ở bên ngoài bao lâu Khái niệm và khách thể chưa cùng nhau được vượt bỏ trong Ý niệm. Trong khi chờ đợi, Khái niệm và khách thể vẫn ở bên ngoài nhau, hạn chế lẫn nhau, do đó, mục đích là *hữu hạn*, về cả hai mặt *hình thức* và *nội dung* (§133).

- Về *nội dung*, mục đích chủ quan, một mặt, là hữu hạn theo nghĩa nó không lập tức nhắm đến tính khách quan của Logos toàn diện hay của Ý niệm tuyệt đối (§236 và tiếp) mà chỉ nhắm đến khách thể *nhất định* của việc thực hiện chính mình của nó trong cơ giới luận, hóa học luận và sự sống (§216 và tiếp), và, mặt khác, về *hình thức* theo nghĩa sự tự thực hiện của nó bị cột chặt với những điều kiện ràng buộc sự tự do của nó: mục đích chủ quan gặp một *điều kiện* bên ngoài ở trong một khách thể được cho như là *chất liệu* của sự thực hiện của nó. Như thế, mục đích tuy có sự tự-quy định, nhưng còn gắn liền với sự hiện diện được cho của một khách thể cố sẵn, chứ không phải là một sự tác tạo tuyệt đối chính mình, và trong chừng mực đó, là đơn thuần *hình thức* theo nghĩa: sự tự do của việc tự-quy định này tác động đến tiến trình chủ quan của việc thực hiện mục đích hơn là đến nội dung toàn diện của nó.
- Phần sau của *Chính văn* bàn sâu hơn về các hệ quả lôgic của *sự trực tiếp* ban đầu của quan hệ mục đích luận.

Ta biết rằng *tính đặc thù*, ở cấp độ của Khái niệm, tạo nên mômen của sự quy định nội tại của nó (§163) và của sự phán đoán tự do của nó (§168). Thế mà, trong chừng mực có tính quy định ở trong chính mình và bảo tồn sự đồng nhất với mình bằng việc liên tục tạo ra chính mình, mục đích chủ quan, về nguyên tắc, là sự tự-quy định và do đó, là *tính đặc thù*. Là *sự quy định của hình thức* (*Formbestimmung*), tức, là sự quy định của tính phủ định của việc đẩy chính mình và của việc phản tự-trong-cái-khác (§131), tính đặc thù này không gì khác hơn là bản thân *tính chủ thể* của mục đích, không theo nghĩa “xấu” (mục đích trực tiếp “chỉ” có tính chủ quan) mà theo nghĩa mạnh mẽ rằng mục đích là *chủ thể*, tức là tính cá biệt tích cực, là tính thống nhất phủ định với mình và sự phát triển tự do. Nhưng, kinh qua sự khai triển hình thức của mục đích trong hành vi tự thực hiện, vẫn có một cái gì tuyệt đối đồng nhất với mình và đứng đưng với những sự khác biệt này của hình thức: đó là mômen *đối ứng lại* với sự *phản tự*

phủ định trong cái khác, tức, cái mômen đối lập của *sự phản tư khẳng định trong mình*, qua đó mục đích, ngay trong lòng sự vận động tự-quy định, vẫn cứ đồng nhất với mình (§204) và, ngay trong lòng sự đặc thù hóa, vẫn là một cái toàn thể ngang bằng với mình.

- Trong chừng mực là phản tư trong mình dựa theo mômen khẳng định của quan hệ toàn diện và đồng nhất với chính mình, tính phủ định của mục đích (tức tính đặc thù) chính là *nội dung nhất định* của nó. Trên bình diện nội dung hay tính đặc thù như là phản tư-trong-mình, tính trực tiếp ban đầu của quan hệ mục đích luận sẽ có hệ quả là: nội dung, trong khi chờ đợi tính hiện thực hoàn toàn của Ý niệm, tỏ ra tạm thời *khác biệt* với *tính toàn thể* của hình thức. Sự khác biệt giữa *hình thức* của Khái niệm chủ quan mục đích luận và *nội dung* của sự tự thực hiện của nó, hay, nói rõ hơn, sự khác nhau trực tiếp giữa hai cái (§117) tạo nên *sự hữu hạn* của mục đích như đã nói ở trên. Nội dung của quan hệ mục đích luận sẽ là cái gì bị hạn chế, bất tất, nghĩa là cái gì thiếu vắng sự vô tận, sự tất yếu và sự tự-sản xuất vốn thuộc về Khái niệm. Bản thân khách thể cũng là cái gì đặc thù một cách trừu tượng như cái gì “có sẵn đây”, tức cái gì thiếu vắng tính phổ biến cá biệt (hay tính cá biệt phổ biến) và sự tự-sản xuất của Khái niệm toàn diện. Nói tóm, sự hữu hạn của quan hệ mục đích luận *trực tiếp* (hay của tính mục đích ngoại tại), ở cấp độ này của sự phát triển của mục đích, thể hiện ở sự hữu hạn cả *ba mặt*: của *mục đích chủ quan hình thức*, của *khách thể tiền-giả định* làm chất liệu của mục đích, và của *nội dung của quan hệ mục đích luận* trong tiến trình đồng nhất hóa cái thứ nhất với cái thứ hai.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §206

- Quan hệ mục đích luận là **suy luận**, trong đó mục đích chủ quan “kết luận” với tính khách quan ngoại tại bằng một hạn từ trung gian là sự thống nhất của cả hai. Để là sự thống nhất đúng thật của cả hai, hạn từ-trung gian này phải vừa là tính chủ thể của Khái niệm-hợp mục đích, vừa là tính khách thể của khách thể-mục đích. Và vì lẽ *suy luận* diễn ra ở đây không còn ở trong sự vô

hạn của sự tự do *thuần túy* mà trong sự hữu hạn của quan hệ mục đích luận giữa mục đích chủ quan và khách thể được tiên-giả định, nên hạn từ-trung gian có sự hàm hồ của việc kết hợp *hữu hạn* giữa hai phương diện:

- về phương diện chủ quan, hạn từ-trung gian của suy luận sẽ là *HOẠT ĐỘNG HỢP MỤC ĐÍCH* (zweckmäßige Tätigkeit / purposive activity / l'activité finalisée), hướng đến việc chuyển mục đích chủ quan (như là Khái niệm hiện hữu cho mình một cách tách rời) vào trong tính khách quan;
- và, về phương diện khách quan, hạn từ-trung gian của suy luận sẽ là *PHƯƠNG TIỆN* (Mittel / means / moyen), tức bộ phận hay phương diện của tính khách quan phục vụ cho mục đích của chủ thể, vì nó được thiết định *một cách trực tiếp*. Ở §208, ta sẽ đi sâu hơn, còn ở đây chỉ lưu ý rằng: tính hữu hạn của quan hệ mục đích luận thể hiện ở sự hữu hạn của hạn từ-trung gian về cả hai phương diện: chúng ở *bên ngoài nhau*, trong chừng mực, một mặt, *hoạt động* hợp mục đích có thể sử dụng những *phương tiện* khác, và, mặt khác, các phương tiện là dừng dừng với các mục đích. *Suy luận* của tính mục đích ngoại tại này là một suy luận *hình thức* (§182) và bắt tất (§184), trong đó **hạn từ-trung gian (Mitte)** có sự trừu tượng và dừng dừng của một **phương tiện đơn thuần (Mittel)**, khiến cho Khái niệm và khách thể chỉ được hợp nhất trong đó một cách ngoại tại, và tính khách quan của nó, trong quan hệ ấy, không vượt ra khỏi tính khách quan của khách thể cơ giới.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §207

- Ta ôn lại “dàn bài”: ba tiểu đoạn dẫn nhập trên đây dành cho mục đích luận chỉ mới phát triển các phương diện tổng quát nhất của nó: tính chất chủ quan của việc thực hiện tích cực một mục đích (§204); sự hữu hạn ban đầu của nó (§205); và cấu trúc “suy luận” hình thức **C – Đ – P**, trong đó mục đích chủ quan (C) kết hợp với tính khách quan bên ngoài (P) bằng hạn từ trung gian được nhân

đôi: *hoạt động* hợp mục đích và *các phương tiện* để thực hiện nó (Đ) (§206).

- Bây giờ, trên con đường từ mục đích chủ quan đến Ý niệm, sự phát triển cao hơn của phép biện chứng mục đích luận sẽ diễn ra trong ba giai đoạn được bàn lần lượt sau đây:
 1. về mục đích chủ quan nơi chính nó và sự vận động của nó (§207);
 2. về quan hệ trực tiếp của nó với khách thể, và, qua đó, về sự quy định khách thể như là phương tiện (§208); và
 3. về quan hệ trực tiếp của phương tiện với tính khách quan bên ngoài, và, qua đó, các khách thể cơ giới và hóa học phải phục tùng tính nhân quả của mục đích.

- 1. Cái toàn thể của quan hệ mục đích luận thể hiện như một suy luận chủ quan **C – Đ – P**, có điểm xuất phát trong tính cá biệt của mục đích chủ quan phiến diện (§206). Nhưng, từ khi mục đích chủ quan là Khái niệm tồn tại-cho-mình đã đi vào trong sự hiện hữu tự do (§204), mục đích cũng tồn tại trong-chính-mình, và, tuy có tính phiến diện, nhưng vẫn là một cái toàn thể, và, do đó, là một *suy luận*, trong đó Khái niệm *phổ biến* còn bất định kết hợp với tính cá biệt được xác định một cách tuyệt đối bằng tính đặc thù nhất định của hạn từ-trung gian (§163): mục đích chủ quan được thiết định trong đó như là tính phổ biến thoát đầu còn nội tại của một quyền lực hành động còn bất định (P), nhưng, khi tự quy định dựa theo một ý đồ đặc thù (Đ), nó chỉ còn có việc tự xác nhận chính mình và chứng minh quyền lực cá biệt của việc tự quy định (C) (§204). Chính tính cá biệt đã hoàn tất của mục đích chủ quan (quyền lực tự-quy định) sẽ thúc đẩy sự phát triển cao hơn của tính mục đích. Giống như Khái niệm-xét-như-là-Khái niệm (§165), tức với tư cách là cá biệt, tự dị biệt hóa và tự phân chia chính mình một cách tự do, và, qua đó, tái tạo sự hữu hạn của các lĩnh vực trước đó (§171), mục đích chủ quan cũng là suy luận, trong đó Khái niệm phổ biến kết hợp (thông qua tính đặc thù) với tính cá biệt theo kiểu: tính cá biệt (là sự tự-quy định) *phán đoán* (“phân chia”) mục đích chủ quan, nghĩa là, xuất phát từ bản thân mục đích chủ quan, thiết định tình hình của sự phân chia và sự hữu hạn vốn đã được nêu ở §205 như là dữ kiện xuất phát của tính hợp mục đích. Vậy, chính tính cá biệt hay bản thân sự quy định tuyệt đối của mục đích chủ quan có tính phổ biến một cách

cụ thể đã đặc thù hóa cái phổ biến vẫn còn bất định về nguyên tắc như là ý đồ thuần túy ban đầu của mục đích và tạo nên một *nội dung* nhất định. Và, cũng giống như ở cấp độ của phán đoán chủ quan của Khái niệm, tính cá biệt chỉ có thể quy định nội dung của vị ngữ (§§169-170) khi trước đó đã tách rời chủ ngữ cá biệt với vị ngữ phổ biến (§161), như thế, tính cá biệt (tạo nên suy luận bên trong của mục đích chủ quan) chỉ mang lại một nội dung nhất định khi đồng thời thiết định *sự đối lập* giữa tính chủ quan và tính khách quan (§205).

- Tuy nhiên, khi tự-phán đoán như thế, tính cá biệt-toàn-thể-hóa của mục đích làm cho bản thân nó trở thành *bộ phận*, vì nó không còn là kết luận của suy luận bên trong của tính mục đích nói chung nữa, mà chỉ là một trong các hạn từ của sự đối lập hữu hạn của tính mục đích bên ngoài (giống như ở cấp độ của phán đoán chủ quan, cái cá biệt không còn là “đỉnh cao” của Khái niệm-xét-như-là-Khái niệm mà chỉ là chủ ngữ của phán đoán hữu hạn: §166). Song, ngay lúc nó tự hữu hạn hóa bằng phán đoán, tính cá biệt lại đồng thời tự khẳng định và quay trở lại trong mình, trong chừng mực chính nó tự cho thấy tính phiến diện của chính mình (khi vẫn là tính toàn thể suy luận của Khái niệm). Vậy, nếu tính cá biệt của mục đích chủ quan đã tự thay đổi khi gắn liền với một nội dung hữu hạn nhất định và đối lập với tính khách quan một cách trừu tượng, nó đồng thời quay trở lại trong chính mình, nhận ra mình là cái gì khiếm khuyết so với tính toàn thể. Từ đó, nó cũng lập tức hướng ra *bên ngoài*, vì chỉ có cách tự biến mình thành cái khác với tính chủ quan của mình, hay, nói khác đi, tự khách thể hóa, thì nó mới có thể vạch trần tính chủ quan phiến diện, và, do đó, tự bảo tồn trong sự ngang bằng với mình và hoàn toàn “kết luận” mình với mình (§204).
- Ở cấp độ hiện nay của Ý niệm trong việc thực hiện mục đích, Khái niệm mục đích luận cá biệt chỉ quay trở về lại *trong-mình* bằng cách quay ra *bên ngoài*. Sự hữu hạn phản tư này (nhờ đó mục đích chủ quan chỉ quan hệ với mình bằng cách quan hệ với cái khác (§112)) vốn đã được hàm chứa trong bản thân tính cá biệt của mục đích chủ quan, trong chừng mực chỉ bằng cách “so sánh”, nghĩa là bằng một sự phản tư bên ngoài (§117) mà tính cá biệt mới vạch trần được tính chủ quan hữu hạn này, nhân danh tính toàn thể “suy luận” tiềm năng của nó. Vận động khách thể

hóa thoát thai từ sự phủ nhận chính mình của tính cá biệt của mục đích chủ quan sẽ được phát triển ở tiểu đoạn tiếp theo đây.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §208

2. Mục đích chủ quan, nơi bản thân nó, là vận động khách thể hóa, phát xuất từ sự mâu thuẫn nội tại của nó (§207). Bây giờ, ta sẽ phân tích kỹ hơn về quan hệ giữa chủ thể và khách thể quy định việc mục đích chủ quan hướng đến khách thể bên ngoài. Nói cách khác, ta phải phân tích bản tính và các kết quả của *hoạt động* này (mới được phác họa ở §204), đó là việc thải hồi sự đối lập bên trong và bên ngoài của mục đích chủ quan và việc thực hiện nó.
 - Tính cá biệt của Khái niệm là sức mạnh tác động tuyệt đối (§163). Và §207 đã xác nhận: với tư cách là *tính cá biệt* mà mục đích chủ quan tự phán đoán, tự mang lại một nội dung, thiết định trong chính mình sự đối lập giữa tính chủ thể và tính khách thể, và, khi quay về lại trong mình bằng cách quay ra bên ngoài, nó tự vạch trần sự phiến diện của nó và khắc phục sự phiến diện ấy. Vậy, chính là *tính cá biệt* khiến cho *hoạt động hướng ra bên ngoài* quan hệ với khách thể bên ngoài và mở ra suy luận mục đích luận hoàn chỉnh đã trình bày ở §206. Tính cá biệt nói ở đây là tính cá biệt của mục đích chủ quan (§207). Thế mà, trong mục đích chủ quan, tính cá biệt lại lập tức đồng nhất với tính đặc thù, vì, khác với cái cá biệt được thiết định trừu tượng bởi phán đoán về mình của Khái niệm (§163, cuối *Nhận xét*), mục đích chủ quan cá biệt không phải là cái gì trống rỗng mà là một sức mạnh tuyệt đối của việc quy định và tự-quy định, chứ không dừng lại ở tính phổ biến và sự vô-quy định lúc ban đầu. Giống như Khái niệm chủ quan lấy lại tính đặc thù vốn quy định nó ở trong tính cá biệt (§163), để, tự đặc thù hóa tích cực trong phán đoán (§§165-166) và rút cục, tự quy định như khách thể trực tiếp (§162), thì mục đích, như là tính cá biệt cụ thể, là sức mạnh tuyệt đối để đặc thù hóa tính phổ biến về nguyên tắc của nó, biến nó thành một nội dung mục đích luận nhất định và, trong các tính quy định đặc thù của khách thể bên ngoài, buộc khách thể bên ngoài phải phục tùng Khái niệm chủ quan đã thiết định nó (§207). Theo nghĩa ấy,

tính đặc thù của mục đích chủ quan bao hàm tính đặc thù của nội dung, hay đúng hơn, tính đặc thù của tính khách quan bên ngoài. Từ đó, *hoạt động* mục đích luận *hướng ra bên ngoài* thoạt đầu sẽ quan hệ *một cách trực tiếp* với khách thể, trong chừng mực hoạt động ấy chính là *tính cá biệt* này, tức tính cá biệt, trong mục đích chủ quan, lập tức đồng nhất với tính đặc thù, trong đó, ngoài nội dung ra, cũng *bao hàm* cả tính khách quan bên ngoài.

- Điều quan trọng cần chú ý ở đây là: thoạt đầu có một quan hệ *trực tiếp* của hoạt động được triển khai bởi mục đích chủ quan cá biệt với tính khách quan bên ngoài, *trước khi* có sự triển khai *gián tiếp* (được trung giới) của suy luận mục đích luận hoàn chỉnh, qua đó mục đích chủ quan chỉ “kết luận” với tính khách quan bên ngoài bằng sự trung giới của hoạt động hợp mục đích và của những phương tiện (§206). Nhưng, quan hệ trực tiếp nói ở đây là quan hệ, qua đó tạo nên hạn từ-trung gian của suy luận mục đích luận, tức tạo nên sự thống nhất trực tiếp giữa hoạt động và khách thể-phương tiện làm nhiệm vụ trung giới giữa mục đích chủ quan và khách thể bên ngoài. Hay, nói khác đi, vì lẽ quan hệ mục đích luận hoàn chỉnh là suy luận **C – Đ – P**, trong đó mục đích chủ quan (C) “kết luận” với tính khách quan bên ngoài (P) bằng hạn từ-trung gian gấp đôi của hoạt động mục đích luận và những phương tiện của việc thực hiện (Đ), nên quan hệ trực tiếp là quan hệ tạo nên tiền đề thứ nhất C – Đ của suy luận này, tức quan hệ qua đó hoạt động của mục đích chủ quan cá biệt (C) lập tức “*chiếm đoạt*” khách thể bên ngoài như một *phương tiện* đặc thù (Đ) cho việc thực hiện phổ biến hóa chính mình trong cái toàn thể của tính khách quan bên ngoài. Hoạt động của mục đích, tức cái Tự ngã chủ quan hay Khái niệm của nó, là *sức mạnh (Macht)* trực tiếp “*chiếm đoạt*” hay “*làm chủ*” (*bemächtigen*) khách thể và buộc khách thể phục vụ cho nó như là phương tiện, vì Khái niệm là tính phủ định đồng nhất với mình, nghĩa là, sự phủ định của phủ định hay tính phủ định tuyệt đối, là cái tồn tại-cho-mình vô hạn và được quy định một cách tuyệt đối bao hàm trong sự đồng nhất năng động của nó mọi tồn tại và mọi sự thay đổi trực tiếp như một mômen đơn thuần có tính ý thể của tính vô hạn đúng thật của nó.
- Trong tính phủ định đồng nhất với mình tạo nên sức mạnh tuyệt đối của Khái niệm mục đích luận này, *tồn tại* trực tiếp của khách thể cơ giới và hóa học trở nên trong suốt trong sự ánh hiện-trong-

chính-mình của Khái niệm (§159) và hoàn toàn bị quy định như là một tồn tại *ý thể* (§95), không thể kháng cự lại sức mạnh bản thể của mục đích chủ quan. Tuy nhiên, tính hữu hạn và tính ngoại tại của quan hệ mục đích luận (§205) có hệ quả là: tính chủ quan của mục đích và tính khách quan của khách thể (phục vụ như là phương tiện) *chưa* hợp nhất lại trong sự tự do tuyệt đối của Ý niệm. Do đó, việc chiếm đoạt hay làm chủ trực tiếp của mục đích đối với khách thể (là phương tiện để nó tự thực hiện) không có sự sáng sủa tự do của Khái niệm hay của Ý niệm, mà thoát đầu còn giấu mình trong sự tất yếu mù quáng của một sức mạnh bản thể (§151); ngược lại, tính công cụ (tính phương tiện) bị thiết định trực tiếp của khách thể vẫn còn ngoại tại đối với khách thể theo nghĩa, một mặt, khách thể có một phương diện độc lập-tự tồn khiến nó không chỉ là phương tiện, và, mặt khác, tính phương tiện của nó cũng có thể dành cho những mục đích chủ quan khác hoặc đứng đưng với các sự áp dụng khách quan khác nữa.

- Nhờ vào sự phát triển của tiền đề thứ nhất này, suy luận mục đích luận được phác họa ở §206 bắt đầu triển khai cụ thể hơn: §207 đã phơi bày suy luận bên trong của đối cực nhỏ (mục đích chủ quan), và, từ nay, hạn từ-trung gian toàn diện của suy luận mục đích luận không phải là một tính đặc thù trừu tượng nào đó mà là sự thống nhất cụ thể của mục đích chủ quan và tính khách thể bên ngoài như là kết quả trực tiếp của việc làm chủ của mục đích đối với khách thể phục vụ như phương tiện. Tương ứng với điều đã được nói ở §206, *hạn từ-trung gian toàn bộ* của suy luận mục đích luận, từ nay, là sự thống nhất kết hợp *hoạt động hợp mục đích* và *phương tiện*, tức sức mạnh còn nội tại và ẩn giấu nhưng có tư thế *làm chủ* của Khái niệm như là *hoạt động* mà khách thể, như là *phương tiện* được hợp nhất một cách trực tiếp và ở tư thế phục tùng.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §209

3. Sau khi bàn về mục đích chủ quan nơi chính nó (§207), rồi về việc “làm chủ” trực tiếp của nó đối với khách thể (xét như phương tiện) (§208), bây giờ, trong bước thứ ba, ta nghiên cứu quan hệ trực tiếp của khách thể-phương tiện với tính khách quan

bên ngoài, qua đó, cho thấy rằng những khách thể cơ giới và hóa học đều phục tùng tính nhân quả của mục đích.

- Giai đoạn sau cùng này là giai đoạn của mục đích đã được thực hiện hay đã được tiến hành, vì đó là sự cùng thâm nhập vào nhau giữa mục đích chủ quan và tính khách quan bên ngoài thông qua sự trung giới hoàn tất của hoạt động mục đích luận và của phương tiện của nó. Ở giai đoạn làm chủ trực tiếp đối với phương tiện (§208), hoạt động mục đích luận này, cùng với phương tiện của nó, còn *hướng ra bên ngoài*. Thật thế, trong phương tiện, mục đích là đồng nhất với khách thể, vì tính phủ định tuyệt đối của nó làm chủ bằng sức mạnh đối với *tồn tại* của khách thể và biến nó thành phương tiện. Nhưng, sự đồng nhất hóa này vẫn còn mang tính *trực tiếp, ngoại tại* và *dừng dừng* và không đạt được cái toàn thể của khách thể, vì khách thể vẫn còn giữ lại một phương diện độc lập-tự tồn trực tiếp, qua đó nó không đồng nhất với mục đích.
- Nói ngắn, do sự trực tiếp của tiền đề thứ nhất, vận động – qua đó mục đích chủ quan đồng nhất hóa với một bộ phận của khách thể như là với phương tiện của nó – chỉ là một phán đoán khẳng định quay trở lại thành phán đoán phủ định (§172): mục đích là đồng nhất với khách thể ở trong phương tiện *xét như là* phương tiện, nghĩa là, trong phương tiện tỏ rõ là phương tiện; nhưng, đồng thời, mục đích *không* đồng nhất với khách thể ở trong phương tiện *xét như là phương tiện*, nghĩa là, trong phương tiện như là cái trung gian dừng dừng. Vì thế, khi hướng ra bên ngoài, mục đích, trước khi là hoàn tất, trước hết phải được trung giới với khách thể bên ngoài, và, như thế, là đồng nhất hóa *một cách cụ thể* với khách thể ấy. Sự *trung giới* (cho phép có sự đồng nhất hóa hoàn tất ấy) chính là sự trung giới của phương tiện giữa mục đích và khách thể bên ngoài, mà các hạn từ (tức phương tiện và khách thể bên ngoài) tạo nên tiền đề thứ hai của suy luận mục đích luận, rút cục cho phép mục đích chủ quan hợp nhất một cách cụ thể với tính khách quan được tiền-giả định.
- Trong *tiền đề thứ hai* này (Đ – P) của suy luận mục đích luận C – Đ – P, phương tiện đặc thù (Đ), trong chừng mực không chỉ là phương tiện đối với mục đích mà còn là một khách thể liên hệ với những khách thể khác, mở ra cả một thế giới khách quan bên ngoài (P). Chính xác hơn, phương tiện, với tư cách là khách thể, trong tiền đề thứ hai này, ở trong quan hệ *trực tiếp* với đối cực

khác của suy luận, tức, không còn là mục đích chủ quan như trong tiền đề thứ nhất (C – D) (§208) mà là tính khách quan như là được tiền giả định đối với mục đích và thể hiện ra như là *chất liệu* cho sự thực hiện nó (§205). Quan hệ này giữa phương tiện với khách thể bên ngoài là trực tiếp (và tạo nên một tiền đề: §185), vì bản thân khách thể-phương tiện và khách thể bên ngoài là những khách thể ngoại tại đối với nhau. Tuy nhiên, trong quan hệ trực tiếp này, chính khách thể-phương tiện trực tiếp “làm chủ” đối với khách thể bên ngoài, vì, nhờ vào tiền đề thứ nhất, nó gắn liền với hoạt động-đẩy sức mạnh của mục đích chủ quan trong tính phủ định tuyệt đối của nó. Đó là lý do tại sao quan hệ này giữa phương tiện với chất liệu cơ giới và hóa học của tính khách quan bên ngoài là lĩnh vực, nơi đó, qua sự trung gian của phương tiện và hoạt động của nó đối với khách thể, mục đích buộc các tiến trình cơ giới và hóa học phục vụ cho mình. Đó là lĩnh vực của cơ giới luận và hóa học luận *phục vụ cho* mục đích (“*dem Zweck dienenden*”), còn mục đích là chân lý và là Khái niệm tự do của chúng. Ta thấy: trong tính hợp mục đích, cơ giới luận và hóa học luận lại tái xuất hiện ở đây, nhưng không còn như trong lĩnh vực của bản thân chúng trước đây nữa mà được nắm lấy *một cách ý thể*, nghĩa là: chúng không gì khác hơn là *chất liệu* cho việc thực hiện của mục đích. Tuy nhiên, việc buộc tính khách quan cơ giới và hóa học phải phục tùng mục đích hoàn toàn không phải là việc làm tùy tiện. Thật vậy, các tiến trình cơ giới và hóa học đã cho thấy: chúng chuyển vào trong mục đích một cách tự phát như vào trong chân lý sát cận của chúng, tức vào trong Khái niệm hiện hữu cho-mình một cách tự do của chúng. Khi phục tùng mục đích, tính khách quan chỉ quay trở về lại trong Khái niệm của chính nó, vốn trước nay chỉ mới được tiền-giả định một cách chủ quan. Như thế, hoạt động phủ định do mục đích áp đặt lên khách thể cơ giới và hóa học (thông qua phương tiện) không phải là một sự áp đặt trừu tượng, từ bên ngoài mà là *sự thay đổi, sự chuyển hóa*, và, rút cục, là *sự thái hồi* của tính khách quan trong chính mình. Chính phương diện quan trọng này cần được xem xét kỹ hơn dưới đây.

- Mục đích chủ quan, – như đã thấy, là chân lý để cơ giới luận và hóa học luận quay về – là bản thân sức mạnh làm chủ các tiến trình này, trong đó khách thể bên ngoài, nhờ vào lao động của khách thể-phương tiện, tự thái hồi chính mình nhằm phục vụ cho mục đích. Thể giới khách quan – hay, nói như Hegel, “cái khách

quan” – được hình thành từ tổng thể những khách thể và phương tiện – tỏ ra là một thế giới *đầy bạo lực*, nơi đó những khách thể va chạm nhau, kết hợp với nhau, tận dụng lẫn nhau, và rút cục, tự thái hồi vì lợi ích của mục đích vốn tự thực hiện ở bên trong chúng và thông qua chúng, nghĩa là: sử dụng chúng cho ý đồ của mình. Trong tiến trình này, mục đích là cái gì thoát đầu mang tính chủ quan và, do đó, được tiền-giả định một cách trừu tượng, nhưng rồi, qua tiến trình, đã hoàn toàn tự thực hiện phù hợp với ý đồ ban đầu. Nói cách khác, trong bản thân những khách thể, mục đích *tự-bảo tồn mình* (“das in ihnen sich Erhaltende”, §204). Khi làm chủ tính khách quan cơ giới và hóa học, mục đích đúng là *sức mạnh* cưỡng chế các tiến trình ấy. Tuy nhiên, mục đích không còn thuộc về lĩnh vực của sự *tất yếu mù quáng* giống như bản thể; hoạt động của nó cũng không còn chỉ là một sự hiện hữu bên cạnh những hiện hữu khác, đánh mất chính mình trong sự tất yếu ngoại tại. Ngược lại, mục đích là Khái niệm đang hiện hữu cho-mình: nó chỉ tự “*bảo tồn*” (*erhält*) *trong những khách thể* bằng cách luôn “*giữ mình*” (*hält*) *ở bên ngoài* những khách thể với tư cách là nguyên tắc tự do và hoàn tất của ý đồ. Đó là lý do tại sao mục đích không chỉ là *sức mạnh* mà còn *ranh mãnh* nữa.

- Thật thế, nó không can thiệp trực tiếp và không phó thác tính khách quan cơ giới và hóa học cho sự tất yếu mù quáng và bạo lực để cũng bị tiêu vong như bất kỳ một khách thể bất tất nào khác. Trái lại, nó đẩy sự trung giới của khách thể-phương tiện vào giữa nó và khách thể bên ngoài, mà số phận của khách thể-phương tiện là phải đương đầu đầy bạo lực với tính khách quan cơ giới và hóa học, tận dụng và khai thác cho lợi ích của mục đích như là Khái niệm thống trị. Qua đó, mục đích thoát ra khỏi sự hỗn độn cơ giới và hóa học để gián tiếp tự thực hiện chính mình như là Khái niệm tự-mình-và-cho-mình. Tóm lại, kết quả của các tiến trình cơ giới và hóa học là: trong chúng, “cái khách quan” bị tận dụng và tự-thái hồi trong sự va chạm lẫn nhau giữa các yếu tố. Vì thế, việc mục đích chủ quan – vừa là *sức mạnh* làm chủ các tiến trình, vừa *giữ mình* đứng bên ngoài những khách thể và là cái gì tự bảo tồn trong chúng – chính là **TRÒ RANH MÃNH** hay **MỆO LỬA (LIST)** của lý tính hay của Khái niệm.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §210

- Sau *ba* bước phát triển của suy luận mục đích luận (§§207-209), phần dành cho *Mục đích luận* kết thúc cũng bằng *ba* tiểu đoạn: §210 xác định: mục đích đã được thực hiện (kết quả của suy luận mục đích luận) là sự thống nhất của chủ thể và khách thể; §211 nhấn mạnh sự hữu hạn của bản thân mục đích khi đã được tiến hành; và §212 đánh dấu bước chuyển từ mục đích đã được thực hiện sang *Ý niệm*.
- Khi phát triển giai đoạn thứ ba của suy luận mục đích luận (§209), ta đã thấy mục đích chủ quan tự thực hiện bằng *sức mạnh* và sự *ranh mãnh* ngay trong lòng tính khách quan bên ngoài như thể nào. Bây giờ, trước hết cho thấy mục đích đã được thực hiện là sự thống nhất hoàn tất của cái chủ quan và cái khách quan như thể nào. Như đã thấy, mục đích chủ quan, *về nguyên tắc hay một cách mặc nhiên, tiềm năng*, đã là sự thống nhất giữa chủ thể và khách thể, vì, khi tự vạch trần tính phiến diện của chính mình cũng như tính hư vô của khách thể được tiên-giả định, mục đích chủ quan tự nó là hoạt động nhằm thủ tiêu, thái hồi sự đối lập này giữa cái chủ quan và cái khách quan, cũng như thiết định hoạt động này một cách minh nhiên như là đồng nhất với tính toàn thể-khái niệm của chính nó (§204). Mục đích đã được thực hiện là kết quả của tiến trình này và, do đó, là sự thống nhất *được thiết định* của cái chủ quan và cái khách quan.
- Mục đích chủ quan và khách thể bên ngoài không còn là các khách thể ở trong mối quan hệ cơ giới và hóa học đối với nhau nữa: trong hai khách thể này, thì một bên là mục đích vốn là Khái niệm tồn tại tự do, cho-mình như là Khái niệm và từng bước khẳng định sức mạnh khống chế và ranh mãnh đối với mọi tính khách quan. Do đó, mục đích đã được thực hiện là sự thống nhất *được thiết định* của cái chủ quan và cái khách quan, nhưng sự thống nhất này được quy định một cách bản chất theo kiểu: cái khách quan phục tùng và tương ứng với mục đích chủ quan, trong chừng mực mục đích chủ quan là Khái niệm tự do và là sức mạnh khống chế cái khách quan. Cái bị “trung lập hóa” trong việc thực hiện mục đích chỉ là tính chủ thể *trừu tượng* của mục đích, cũng như tính khách thể được tiên-giả định một cách trừu tượng của

chất liệu của mục đích luận (§204). Một mặt, tính khách quan tiếp tục tồn tại như là sự bền vững của mục đích đã tự mang lại cho mình một thực tại, nơi đó mục đích tự bảo tồn trong sự ngang bằng với Khái niệm của chính nó. Và, mặt khác, tính chủ quan tồn tại theo nghĩa là sự thống nhất của chủ thể và khách thể-đã-được-thực hiện không chỉ là một sự thống nhất mang tính *bản thể* (mù quáng) mà là một sự thống nhất mang tính Khái niệm đúng thật (§158), nghĩa là, một sự thống nhất nơi đó Khái niệm – vừa là tự do, vừa toàn diện của Logos – tự phát triển bằng cách tiếp tục chính mình một cách tuyệt đối ở trong cái khác của nó (§§160, 161). Vậy, mục đích đã được thực hiện là chủ quan theo nghĩa mạnh mẽ và tích cực rằng, trong nó, mục đích đã tự phát triển *như là một chủ thể*, tức như *một cái phổ biến* tự khẳng định trong *tính cá biệt* tự do của nó ngay trong lòng *tính quy định đặc thù* của mình (§§162, 163). Thật thế, mục đích *tự bảo tồn* đối diện với cái khách quan và ở trong cái khách quan, nghĩa là, tự thực hiện và tự “kết luận” với mình (§§204, 209). Nó tự bảo tồn *đối diện* hay *đối lập lại* cái khách quan theo nghĩa: nó chỉ tự thực hiện trong cái khách quan khi *giữ mình đứng bên ngoài* cái khách quan với tư cách là chủ thể làm chủ khách thể và buộc khách thể phải phục tùng cho việc thực hiện chính mình (§209). Sở dĩ mục đích tự bảo tồn *đối diện* với khách thể và *trong* khách thể là vì nó không chỉ là cái chủ quan *phiến diện* (§204) và đã được phủ định một cách hiện thực bởi sự phát triển của suy luận mục đích luận (nếu giả thử nó chỉ là chủ thể phiến diện, mục đích chỉ là mômen nhất định và bộ phận của tính đặc thù). Thay vì là cái chủ quan phiến diện và do đó, là cái đặc thù, mục đích – trước hết với tư cách là Khái niệm tồn tại tự do, cho-mình – là cái *phổ biến cụ thể* theo nghĩa nó tự tiếp tục một cách tuyệt đối trong cái khác của nó và tuyệt đối đồng nhất với mình ngay trong lòng sự quy định rằng nó phải tự cá biệt hóa. Nó là sự đồng nhất thường trực của chủ thể và cái khác khách quan của nó, tức về mặt *tự-mình* (mặc nhiên), nó là một tính phổ biến.

- Nhưng, sự đồng nhất của mục đích phổ biến (sự tiếp tục một cách tuyệt đối trong tính khách quan đặc thù và kết hợp với tính cá biệt tự do của mình) không chỉ ở bình diện *hình thức* của sự phản tư lẫn nhau giữa các tính quy định khác nhau của Khái niệm, mà cả ở bình diện *nội dung*, vì, khi vẫn đồng nhất về mặt hình thức với mình thông qua sự phát triển dị biệt hóa của mình, tính phổ biến *cụ thể* của mục đích tự phản tư đơn giản trong mình và, do đó, là

nội dung đồng nhất của mục đích: nội dung này vẫn là *cùng một cái* kinh qua toàn bộ ba hạn từ của suy luận và sự vận động của chúng. Thật thế, *nội dung* của mục đích vẫn luôn là “*cùng một cái*”, vì mục đích đã được thực hiện không gì khác hơn là mục đích chủ quan ban đầu. Chính theo nghĩa đó mà mục đích đã được thực hiện là sự thống nhất *được thiết định* của cái chủ quan và cái khách quan. Trước khi đặt chân đến ngưỡng cửa của Ý niệm, ta cần xét xem sự thống nhất này vẫn còn *hữu hạn* ở chỗ nào.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §211

- Mục đích đã được thực hiện hay tiến hành là cái phổ biến cụ thể tự bảo tồn trong tiến trình khách quan và tự mang lại cho mình tính khách quan vốn thoát đầu thiếu tính chủ quan phiến diện. Nhưng, vì lẽ trong tính mục đích hữu hạn hay ngoại tại, tính khách quan (mà mục đích chủ quan sẽ hợp nhất) là một cái tiền-giả định, một chất liệu được cho, do đó, bản thân mục đích được tiến hành cũng là một cái gì “*bị đổ vỡ trong chính mình*” (*ein in sich Gebrochenes*) giống như hạn từ-trung gian và mục đích ban đầu. Mục đích ban đầu này là cái gì bị đổ vỡ trong chính mình, trong chừng mực, do tính chủ quan phiến diện đối lập với tính khách quan được tiền-giả định, nó là sự mâu thuẫn nội tại của sự đồng nhất với mình và do đó là hữu hạn ngay bên trong bản thân nó khi sự đối lập bên trong dẫn đến một sự khác nhau giữa nội dung của mục đích và cái toàn thể. Khái niệm của hình thức chủ quan của nó (§205). Tương tự như thế, sự hữu hạn của tính mục đích ngoại tại có hệ quả là: hạn từ-trung gian của suy luận là một tồn tại bị đổ vỡ thành hai mômen ở bên ngoài nhau, đó là hoạt động và khách thể-phương tiện (§§206, 209). Sau cùng cũng thế, mục đích đã được tiến hành cũng là cái gì bị đổ vỡ trong chính nó giống như hạn từ-trung gian và mục đích ban đầu. Suy luận hoàn tất của mục đích luận chỉ thiết lập một *hình thức* được thiết định *một cách ngoại tại* giống như chất liệu “được cho”. Chất liệu được cho này tuy có một tính quy định hay một hình thức mới, qua đó sự độc lập-tự tồn trực tiếp của nó bị phủ định và nó phải phục tùng mục đích chủ quan, nhưng, vì là một tính khách quan “được cho”, tự mình là đứng vững với mục đích, nên hình thức mới mẻ này vẫn ở bên ngoài nó và chỉ tạo nên cùng với nó một sự thống nhất “bị đổ vỡ”. Tính ngoại tại này của hình thức mục đích luận trong quan hệ với chất liệu được cho vẫn còn thể hiện sự bất tất của tính quy định hình thức đang bàn.

Thật thế, hình thức này là sự phủ định, qua đó hành động hợp mục đích áp đặt lên chất liệu khách quan cái nội dung theo ý đồ của mục đích chủ quan. Thế mà, trong tính mục đích bên ngoài hiện nay của Logos, cái nội dung mục đích luận (*Zweck-Inhalt*) này là hữu hạn, bị hạn chế và bất tất (§205). Từ đó, tính hình thức tương ứng với nội dung bất tất này bản thân cũng là tính quy định

bắt tất trong quan hệ với sự tất yếu bên trong của khách thể bên ngoài.

- Do đó, việc tiến hành mục đích không thay đổi triệt để tính khách quan bên ngoài, vì nó tự giới hạn ở việc áp đặt một hình thức bắt tất, ngoại tại. Cũng thế, mục đích đã đạt được vẫn chỉ là một khách thể như mọi khách thể khác, dừng dừng với tính hợp mục đích ngoại tại được tiến hành ở trong nó, một khách thể, đến lượt nó, là dừng dừng đối với việc là chất liệu ngoại tại cho những mục đích khác, rồi bản thân những mục đích này, khi đã được thực hiện, lại vẫn là những khách thể có thể phục vụ một cách dừng dừng cho những mục đích khác nữa, và cứ thế *đến vô tận*.

Đầu tiêu đoạn sau §212, ta sẽ xem cái gì ẩn giấu đằng sau tiến trình đến cái vô tận *tôi* này.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §212

- Kết quả của hoạt động mục đích luận không gì khác hơn là một khách thể được quy định bởi một mục đích ở bên ngoài nó. Thế mà, đó chính là định nghĩa về một “*phương tiện*” (§§206, 208). Vâng, bản thân mục đích được tiến hành là một phương tiện phục vụ cho những mục đích khác, và cứ thế đến vô tận, theo kiểu không có bất kỳ một khách thể lôgic nào lại không thể được xem một cách dừng dừng như là phương tiện hay như là mục đích đã được thực hiện (ví dụ: “hạn độ” sử dụng các phạm trù về chất và lượng như là phương tiện để thực hiện chính nó. Rồi, do sự trực tiếp của nó, “hạn độ”, tuy là Khái niệm đã được thực hiện trong lĩnh vực Tồn tại, nhưng cũng chỉ là một phương tiện cho một mục đích cao hơn, đó là để cho Khái niệm tự thực hiện ở trong Bản chất v.v...).
- Cơ sở của sự hữu hạn và sự không-hoàn tất này của bản thân tính mục đích đã hoàn tất chính là *sự trực tiếp* của các hạn từ của suy luận mục đích luận. Suy luận này cũng có cùng những khuyết điểm giống như suy luận hình thức hay suy luận về chất nói chung, tức, các tiền đề là những quan hệ trực tiếp, khiến cho chỉ có chân lý trong quan hệ của các hạn từ dị biệt hóa được nối kết

bằng một hạn từ-trung gian vốn là sự thống nhất của chúng (§185). Ta ở trong một vòng xoay không ngừng, từ sự trung giới này đến sự trung giới khác, từ mục đích thành phương tiện và từ phương tiện thành mục đích và ta rơi vào một cái vô tận tột. Tuy nhiên, trong thực tế, *tình hình lại khác*.

- §207 đã cho thấy: bản thân chủ ngữ của suy luận mục đích luận là một suy luận. Bản thân hạn từ-trung gian cũng là một suy luận. Ngay cả quan hệ trực tiếp giữa phương tiện và khách thể bên ngoài (§209) cũng là một suy luận. Thật thế, phương tiện bất tính khách quan bên ngoài phải phục tùng bởi tiến trình cơ giới và hóa học lại tái xuất hiện ở đây, nhưng dưới sự chế ngự của mục đích (§209). Các hạn từ của suy luận mục đích luận thực ra ít có tính trực tiếp hơn và lại phức tạp hơn so với thoát đầu, cho thấy sự hữu hạn của tính mục đích ngoại tại đã *mặc nhiên* được khắc phục. Đây là điều cần làm rõ trong §212 này.
- Sự hữu hạn của tính mục đích ngoại tại có cơ sở ở trong *sự trực tiếp* của các hạn từ của suy luận mục đích luận và thể hiện bởi tính ngoại tại (tính ở bên ngoài nhau) của mục đích được tiền-giả định một cách chủ quan và chất liệu được tiền-giả định một cách khách quan (§205). Tuy nhiên, điều gì ẩn giấu trong sự thực hiện của mục đích và sự xuất hiện của tiến trình đến vô tận của nó?

Điều trước hết – không phải *cho* bản thân mục đích mà là *tự-mình* hay *cho-ta* –, đó là: *tính chủ quan phiến diện* của mục đích đã được thủ tiêu, thái hời. Thật thế, mục đích đã được thực hiện là sự thống nhất *được thiết định* của cái chủ quan và cái khách quan, và, trong sự thống nhất này, tính phiến diện chủ quan của mục đích đã bị vô hiệu hóa (§210). Đồng thời, về độc lập-tự tồn của khách thể đối diện với mục đích chủ quan cũng bị thủ tiêu, thái hời, vì mục đích chỉ tự thực hiện khi phát hiện trong khách thể được tiền-giả định *một thực tại ý thể* tự-mình là “*hư vô*” (§204) theo kiểu: cái khách quan, về bản chất, phải phục tùng sức mạnh của Khái niệm tự do (§210). Vậy, điều diễn ra một cách tự-mình trong việc thực hiện mục đích không chỉ là tính chủ quan phiến diện của mục đích mà cả sự độc lập-tự tồn khách quan đối lập cũng đều bị thủ tiêu, thái hời. Thật thế, trong tiến trình cơ giới và hóa học (§§195-202), sự độc lập-tự tồn của khách thể đã bị tiêu biến *tự-mình*, và mặc nhiên bị hạ thấp xuống thành một “*hư vô*”, vì nó đối diện với sự xuất hiện của cái tồn tại-cho-mình tự do của

mục đích (§203). Tuy nhiên, giống như Tồn tại – khi phai tàn trước Bản chất – thoát đầu vẫn còn hiện diện trong Bản chất như là ánh tượng, về ngoài (§§112, 114), khách thể-bị-tiêu-biến vẫn còn tạm thời giữ về ngoài của sự độc lập-tự tồn (§205). Nhưng, trong diễn trình phát triển của suy luận mục đích luận, dưới sự thống trị của mục đích, sự độc lập-tự tồn của khách thể bị thách thức và ngay cả về ngoài của sự độc lập-tự tồn này cũng bị thủ tiêu, thái hồi. Thật thế, một khi mục đích đã được thực hiện, thì mục đích đã được tiên hành chỉ còn là một khách thể, đến lượt nó, trở thành phương tiện hay chất liệu cho những mục đích khác. Có vẻ như khách thể còn giữ được một phần sự độc lập-tự tồn đối lập lại mục đích, vì nó là cái gì bị “đổ vỡ” trong chính mình: một mặt, hoàn tất ý đồ của mục đích chủ quan, mặt khác, lại đứng dung với nó. Nhưng, thật ra, sự kiện rằng mục đích-đã-hoàn-tất chỉ được quy định như là phương tiện và chất liệu bao hàm ý nghĩa rằng: dù còn giữ về ngoài của sự độc lập-tự tồn, khách thể này thực ra đã được thiết định như một khách thể đơn thuần mang tính ý thể, như một cái gì, trong hiện thực, là *hur vô* do phải phục tùng mục đích.

- Vậy, tiến trình đến vô tận của tính mục đích hữu hạn thoát nhìn tưởng như là *sự bất lực* của việc làm chủ tuyệt đối của mục đích đối với khách thể, nhưng nó sẽ sớm đi đến với *sự vô hạn* của Ý niệm như là chân lý sắp tới của nó, khi cho thấy, rút cục, khách thể không thể đề kháng lại hoạt động của chủ thể, và chỉ hiện hữu trong viễn tượng của sự thực hiện tuyệt đối của chủ thể. (Ta đã thấy điều này trong kết quả của mọi tiến trình đến vô tận trước nay). Thật vậy, ngay từ đầu, khách thể đã được quy định như là Khái niệm *tự-mình* (§195), bởi sự mờ đục của thể giới khách quan chỉ là tấm màn hay về ngoài, còn đằng sau lưng nó là sự ẩn mình đầy sức mạnh và có mặt khắp nơi (Allgegenwart / omnipresence) của Khái niệm. Về ngoài của việc không-thực hiện mục đích tuyệt đối lại chính là một mômen của việc thực hiện của nó, và, chỉ bằng sự phủ định của sự phủ định này (bằng cách thái hồi về ngoài đối lập giữa tính chủ quan và tính khách quan) mà mục đích đi vào trong mình một cách vô hạn. Vấn đề bây giờ là giải thích tại sao chân lý này chính là *Ý niệm*.
- Sự hữu hạn của tính mục đích ngoại tại dựa trên tiên-giả định và sự ở bên ngoài nhau của Khái niệm và khách thể. Tình hình này dẫn đến một sự đối lập giữa *nội dung* (bất tất, bị hạn chế, “được

cho”) với *hình thức* toàn diện của mục đích, vốn là sự tự-quy định tự do, chủ quan (§205). Nhưng, vì trong việc thực hiện mục đích, tính chủ thể phiến diện và về ngoài độc lập-tự tồn của khách thể đều được thái hồi, nên sự đối lập này giữa *nội dung* và *hình thức* cũng đã tiêu biến. Từ nay, mục đích luận không còn bị giằng xé trong sự phản tư-trong-cái khác không ngừng nghỉ của mục đích chủ quan đối với khách thể được tiên-giả định và ngược lại: toàn bộ diễn trình phản tư của những tính quy định dị biệt hóa về mặt hình thức đều phai tàn trước sự *thống nhất được thiết định* giữa chủ thể và khách thể.

- Từ nay, trong chừng mực mục đích tự “kết luận” với chính mình thông qua sự trung giới của việc thái hồi các tính quy định-của-hình thức, thì hình thức (hay vận động phủ định và dị biệt hóa) của mục đích luận không còn dị biệt hóa thành *một hình thức hữu hạn*, phiến diện đối lập lại *một nội dung bị hạn chế*, trái lại, hình thức được thiết định như là *đồng nhất* với mình. Qua đó, *hình thức vô hạn* được thiết định như là *nội dung*, vì nội dung không gì khác hơn là hình thức trong mômen đồng nhất với mình (§133), tuy nhiên, đây không còn là nội dung bị hạn chế bởi tính mục đích hữu hạn trong khách thể được tiên-giả định, mà là *nội dung vô hạn*, nơi đó sự bền vững của *hình thức vô hạn* tự khẳng định. Như thế, Khái niệm về mục đích không còn có nội dung là một hình thức hữu hạn thể hiện trong một chất liệu được cho, mà trái lại, như là **hoạt động-vô-hạn-của-hình-thức (Formtätigkeit / activity-of-the-form / activité-de-la-forme): Khái niệm lấy chính mình và chỉ lấy chính mình làm nội dung.**
- Là “hoạt động-của-hình thức”, Khái niệm là tính phủ định trong hành động: nó chuyển hóa mục đích chủ quan thành mục đích khách quan và ngược lại, và, khi làm như thế, nó không còn tác động đến một nội dung bất tất nào đó mà chỉ tác động đến *mình*, vì, là khách thể của mình cho chính mình, nó chỉ lấy chính mình làm nội dung. Qua tiến trình ấy, *Khái niệm* ban đầu của mục đích rút cục đã được *thiết định*, tức với tiến trình *đã hoàn tất* của mục đích luận, cái trước đây chỉ mới là *Khái niệm* (nguyên tắc) tự-mình, mặc nhiên, tiềm năng của mục đích nay *đã được thiết định*, và sự thống nhất *tự-mình* trước đây của cái chủ quan và cái khách quan nay trở thành *cho-mình*. Đó là hành động vô hạn của Khái niệm, khi tuân theo một tính mục đích nội tại tuyệt đối, bao hàm trong mình một cách *minh nhiên* sự thay đổi trong suốt của việc

khách thể hóa chính mình. Khái niệm *không chỉ tự-mình* mà còn *cho-mình* là sự thống nhất tuyệt đối của chủ thể và khách thể, chính là **Ý NIỆM**.